

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2023/PHS-PL

V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 28) 5413 5479

Fax: (+84 28) 5413 5472

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Chen Chia Ken

Loại công bố thông tin: 24h 72h Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2022 (chi tiết vui lòng tham khảo tài liệu đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS tại: <https://www.phs.vn>, phần Quan Hệ Cổ Đông, mục Thông tin cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2022

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu Ban thư ký.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Ông CHEN CHIA KEN



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2022

MỤC LỤC

02

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	022
Tổ chức và Nhân sự	024
Tình hình đầu tư & tình hình thực hiện các dự án	026
Tình hình tài chính	026
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	029
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	030

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	010
Ngành nghề và Địa điểm kinh doanh	014
Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	016
Định hướng phát triển	018
Các rủi ro	019

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động SX kinh doanh	034
Tình hình tài chính	036
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	038
Kế hoạch phát triển trong tương lai	039
Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	045
Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	045

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	48
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty	051
Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị	051



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	054
Ban kiểm soát	059
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	061

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	068
Báo cáo tài chính được kiểm toán	069

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông,

Nhìn lại năm 2022 vừa qua, thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã trải qua nhiều cung bậc cảm xúc, từ những lạc quan tích cực đến những diễn biến tiêu cực. Năm 2022 được coi là năm phục hồi sau đại dịch Covid-19, nhưng cũng kéo theo chiến tranh, thiên tai, khủng hoảng năng lượng và an ninh lương thực, rủi ro tài chính và tiền tệ, tất cả đều là mối đe dọa thường trực đối với nền kinh tế toàn cầu. Bất chấp những thách thức đó, Việt Nam đã vươn lên như một ngọn hải đăng của sức mạnh và tinh thần đoàn kết, bút phá ngoạn mục và tỏa sáng rực rỡ trên vũ đài kinh tế toàn cầu. Tại Chứng khoán Phú Hưng (PHS), chúng tôi luôn cam kết kiểm soát rủi ro và hỗ trợ các cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng với triết lý kinh doanh “mang đến thành công cho nhà đầu tư” và “thành công của bạn cũng là thành công của chúng tôi”.

Bất chấp những biến động và thách thức, GDP của Việt Nam đã tăng trưởng 8,02% vào năm 2022, đánh dấu mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Các chỉ số khác như FDI và CPI cũng tăng đáng kể, tương ứng 13,5% và 3,15% so với năm trước, thể hiện sức mạnh của nền kinh tế Việt Nam và tiềm năng phát triển của ngành chứng khoán. Tại PHS, chúng tôi đã hân hoan bước vào một giai đoạn tăng tốc và phát triển bền vững mới, với sự tập trung mạnh mẽ vào việc số hóa các sản phẩm và dịch vụ của chúng tôi cũng như ưu tiên trải nghiệm của nhà đầu tư. Cách tiếp cận này đã giúp chúng tôi xếp hạng trong Top 9 công ty có thị phần môi giới phái sinh cao nhất vào năm 2022.

Nhìn về tương lai, chúng tôi dự đoán rằng năm 2023 sẽ là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam, nhưng chúng tôi cũng tin tưởng vào khả năng của Chính phủ trong việc đưa ra các giải pháp kịp thời để bảo vệ và ổn định nền kinh tế của chúng ta. Chúng tôi cũng cam kết phát triển kinh tế - xã hội bền vững và bảo vệ môi trường, phù hợp với các mục tiêu của Liên Hợp Quốc đã đề ra về giảm phát thải khí nhà kính và đạt được cân bằng môi trường. Là một doanh nghiệp hướng đến sự phát triển bền vững, chúng tôi tự hào được chung tay cùng cộng đồng trong sứ mệnh quan trọng này.

Tầm nhìn của chúng tôi đến năm 2023 là tiếp tục số hóa các sản phẩm và dịch vụ, cải thiện hệ thống giao dịch và nguồn nhân lực về mọi mặt, với mục tiêu duy trì vị trí trong Top 10 công ty có thị phần môi giới chứng khoán phái sinh và ghi tên vào nhóm các công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu tốt nhất thị trường. Chúng tôi cũng luôn nỗ lực chuyển đổi công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và phương thức chăm sóc khách hàng để củng cố vị thế của mình tại thị trường Việt Nam và mang đến sự an tâm cho các cổ đông và nhà đầu tư khi thực hiện các giao dịch với chúng tôi.

Cuối cùng, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới các cổ đông vì sự ủng hộ và tin tưởng vững chắc đối với PHS, cũng như Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể nhân viên của chúng tôi vì sự cam kết và làm việc chăm chỉ của họ. Chúng tôi xin hứa sẽ tiếp tục phấn đấu học hỏi và hoàn thiện bản thân, đồng thời cùng mọi người hướng tới mục tiêu “Thịnh Vượng Trường Tồn – Vươn Tâm Quốc Tế”.

Kính thư,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


ÔNG ALBERT KWANG-CHIN TING



THỊNH VƯỢNG TRƯỜNG TỒN VƯỢN TẦM QUỐC TẾ



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2022

Đơn vị: triệu đồng, trừ khi được ghi chú khác	2020	Thay đổi 2020/2019	2021	Thay đổi 2021/2020	2022	Thay đổi 2022/2021
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu	216,281	7.2%	509,597	135.6%	594,656	16.7%
Môi giới	65,884	31.2%	225,207	241.8%	188,307	-16.4%
Đầu tư	3,976	161.0%	9,985	151.1%	1,934	-80.6%
Tư vấn	241	-74.2%	461	91.3%	558	21.1%
Khác	146,180	-2.0%	273,943	87.4%	403,856	47.4%
Chi phí	150,566	4.6%	333,170	121.3%	520,973	56.4%
Lợi nhuận trước thuế	65,715	13.7%	176,427	168.5%	73,683	-58.2%
Lợi nhuận sau thuế	52,843	11.2%	140,935	166.7%	59,979	-57.4%
ROE	0.06	-	0.12	0.06	0.04	(0.08)
ROA	0.03	-	0.04	0.01	0.01	(0.03)
TÀI SẢN						
Tổng tài sản	2,135,100	27.3%	4,766,911	123.3%	3,676,224	-22.9%
Vốn điều lệ	900,000	28.6%	1,400,000	55.6%	1,500,098	7.1%
Vốn chủ sở hữu	993,429	29.0%	1,604,664	61.5%	1,597,444	-0.4%
Tỷ lệ đòn bẩy gộp (x)	2.15		2.97		2.30	
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu (x)	1.15		1.97		1.30	
Tỷ lệ an toàn vốn	863%		613%		449%	
CHỈ SỐ TÍNH THEO MỖI CỔ PHIẾU						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	603	-11.19%	1,229	104%	400	-67%
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	87,704,428	25.29%	114,635,185	31%	150,009,329	31%
Cổ tức / cổ phần (đồng)	330					



THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

❖ **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HUNG (“PHS”)**

❖ **Giấy phép kinh doanh số:**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016.

Giấy phép điều chỉnh 48/GPĐC-UBCK ngày 24/06/2021 thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

❖ **Vốn điều lệ** 1,500,098,190,000 đồng

❖ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu** 1,597,443,619,209 đồng

❖ **Địa chỉ** Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam

❖ **Số điện thoại** (84 28) 5413 5479

❖ **Số fax** (84 28) 5413 5472

❖ **Website** www.phs.vn

❖ **Email** support@phs.vn

❖ **Mã cổ phiếu** PHS



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

15/11/2006: Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ ban đầu là 22.680.000.000 đồng

01/12/2006: UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán

14/12/2006: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

18/12/2006: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

29/12/2006: Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng

05/09/2008: Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng

10/11/2008: Chuyển Trụ sở chính chuyển về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S. Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

23/01/2009: Đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

28/04/2009: Tăng vốn điều lệ lên 135.000.000.000 đồng

12/01/2010: Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng

13/11/2012: Tăng vốn điều lệ lên 347.450.000.000 đồng

18/03/2014: Trở thành một thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

19/11/2015: Chấp thuận Hợp Nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành

20/01/2016: Nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động CTCP Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK. Vốn điều lệ 202.585.070.000 đồng

29/06/2016: Chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

25/07/2016: Tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 đồng

23/01/2017: UBCKNN chấp thuận để thực hiện thêm nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán

11/01/2018: Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng

27/04/2018: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội công nhận tư cách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ

26/12/2018: Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng

19/07/2019: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của PHS trên thị trường UpCoM

31/07/2019: Cổ phiếu PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM

04/03/2020: Tăng vốn điều lệ lên 900.000.000.000 đồng

16/06/2020: UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán Phái Sinh

24/06/2021: Chuyển Trụ sở chính về Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

28/09/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.400.000.000.000 đồng

31/12/2021: UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 57/GCN-UBCK ngày 31/12/2021

13/04/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13

29/04/2022: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

29/08/2022: Tăng vốn điều lệ lên 1.500.098.190.000 đồng

10/11/2022: UBCK cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 110/GPĐC-UBCK về việc điều chỉnh thông tin của người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty

22/11/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 14

Các sự kiện khác

16/12/2016: PHS được UBCKNN tặng bằng khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty.

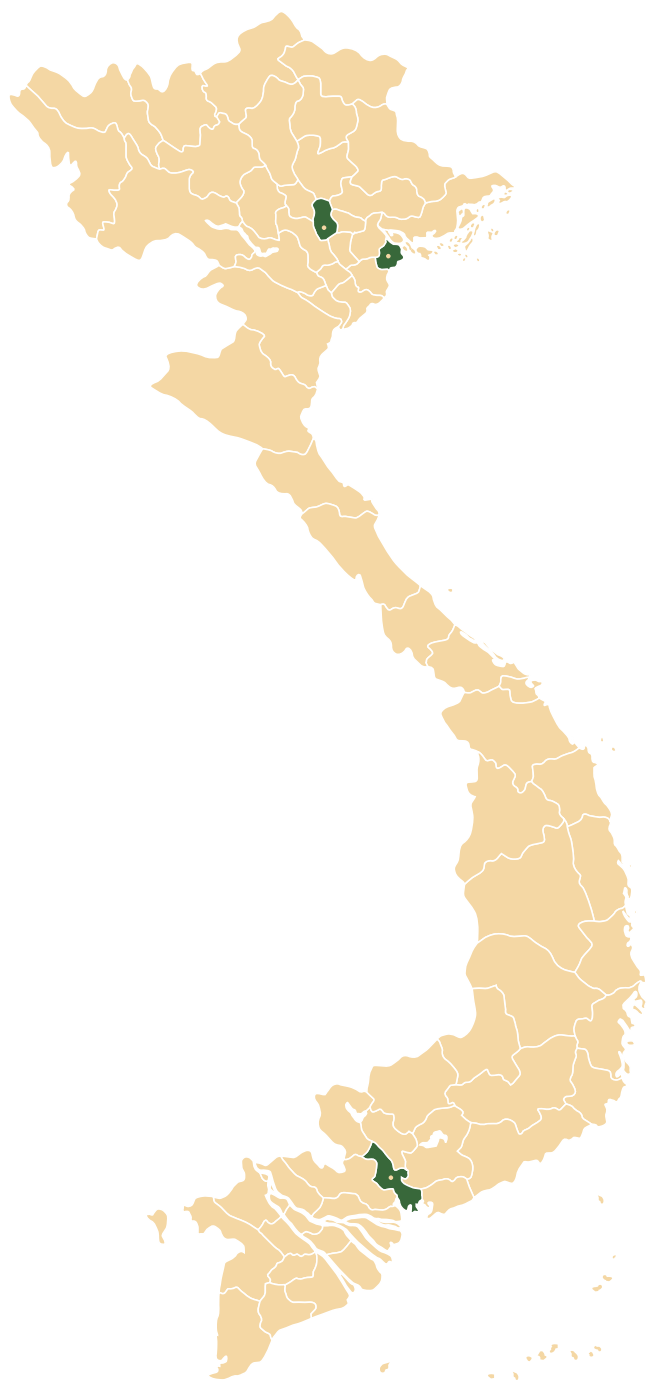
12/2016: PHS được các cơ quan chức năng tặng cờ Truyền thống, giấy khen thưởng và thư cảm ơn vì thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



❖ Tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

Tầng trệt, CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 5413 5478 – Fax: (84 28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3535 6060 – Fax: (84 28) 3535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường
6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3820 8068 – Fax: (84 28) 3820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2,
quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3813 2401 – Fax: (84 28) 3813 2415

❖ Các tỉnh/thành phố khác:

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, tòa nhà Vinafor, số 127 Lò Đúc, phường Đồng
Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 3933 4566 – Fax: (84 24) 3933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà số 18 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng
Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (84 225) 384 1810 – Fax: (84 225) 384 1801

Chi nhánh Thanh Xuân

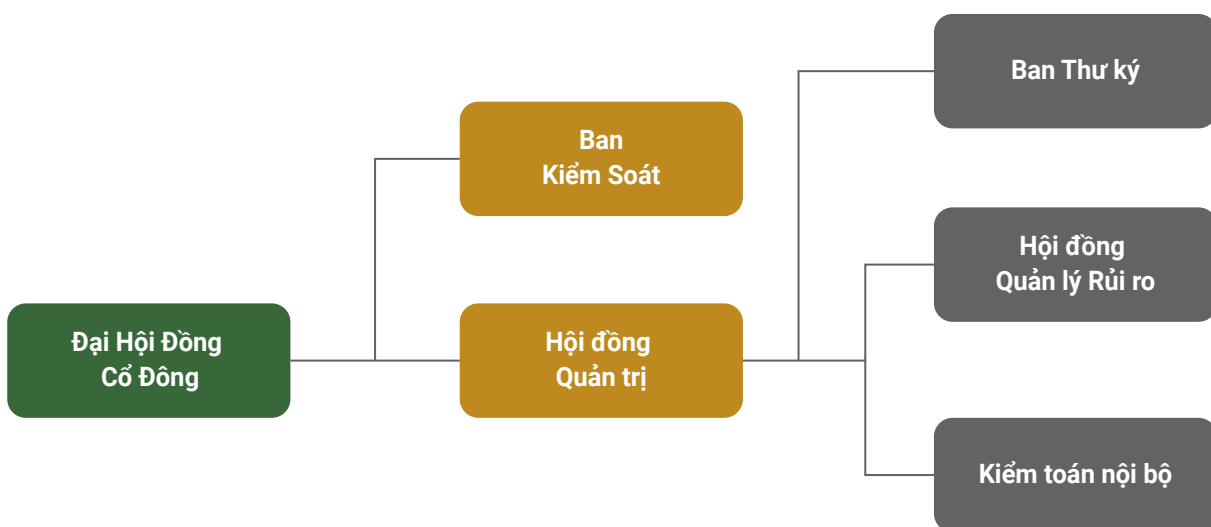
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thụy,
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 6250 9999 – Fax: (84 24) 6250 6666

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. ĐHCĐ bầu ra Ban Kiểm Soát và Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) để giúp các cổ đông quản lý công ty. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (“Ban TGD”) trong việc quản lý và điều hành công ty. HĐQT quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Kiểm Toán Nội Bộ và Hội Đồng Quản lý Rủi Ro trực thuộc HĐQT, Ban Thư Ký Công Ty phụ trách các công việc hành chính hỗ trợ HĐQT.



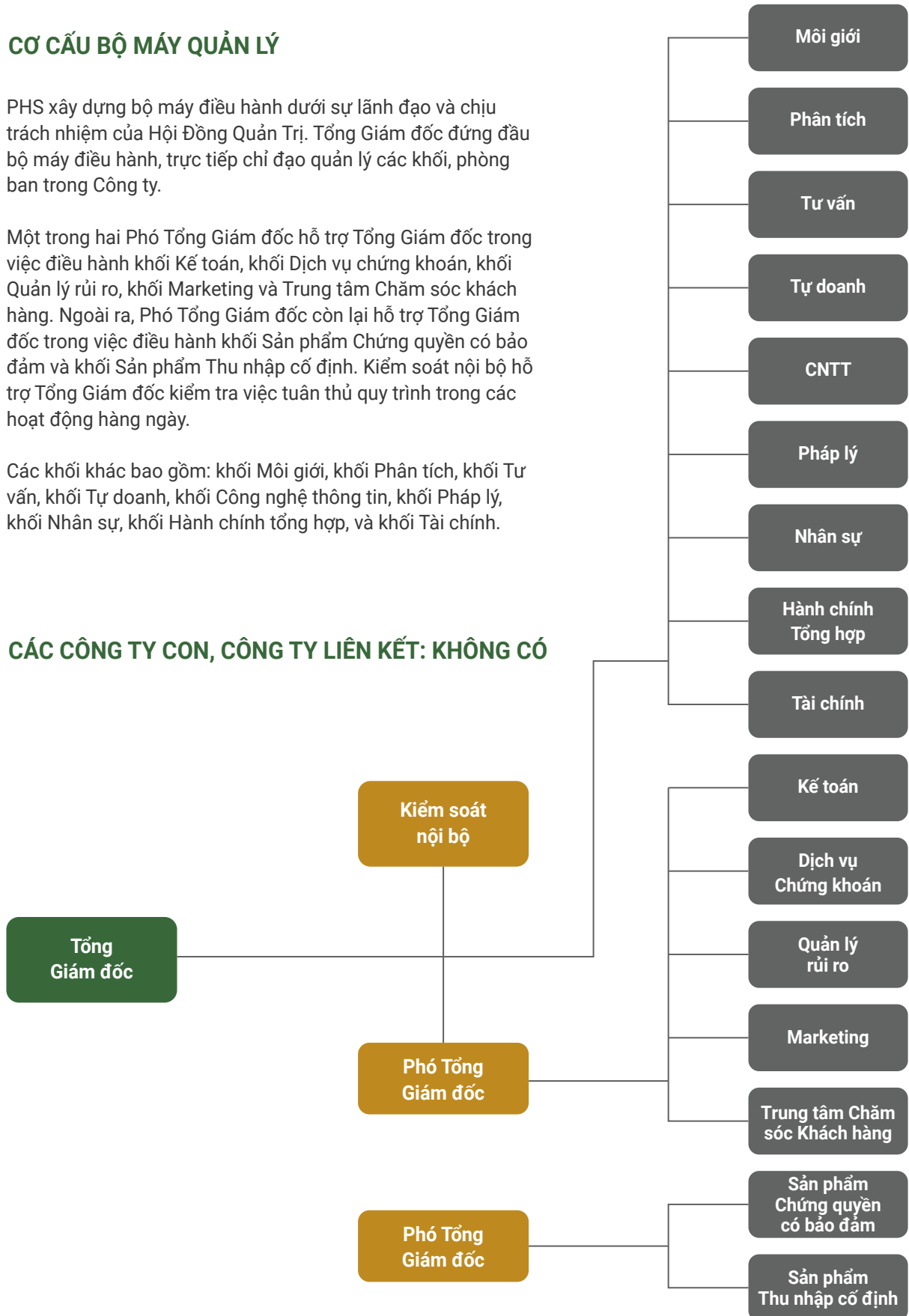
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

PHS xây dựng bộ máy điều hành dưới sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị. Tổng Giám đốc đứng đầu bộ máy điều hành, trực tiếp chỉ đạo quản lý các khối, phòng ban trong Công ty.

Một trong hai Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành khối Kế toán, khối Dịch vụ chứng khoán, khối Quản lý rủi ro, khối Marketing và Trung tâm Chăm sóc khách hàng. Ngoài ra, Phó Tổng Giám đốc còn lại hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành khối Sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm và khối Sản phẩm Thu nhập cố định. Kiểm soát nội bộ hỗ trợ Tổng Giám đốc kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong các hoạt động hàng ngày.

Các khối khác bao gồm: khối Môi giới, khối Phân tích, khối Tư vấn, khối Tụ doanh, khối Công nghệ thông tin, khối Pháp lý, khối Nhân sự, khối Hành chính Tổng hợp, và khối Tài chính.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU 2023

PHS luôn đặt ra mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, lấy sự thành công của khách hàng đặt lên hàng đầu. Kiên định với mục tiêu nhưng chiến lược hoạt động được điều chỉnh linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn và bối cảnh thị trường đã giúp PHS vượt qua nhiều thăng trầm của Thị trường Chứng khoán (“TTCK”), tiếp tục khẳng định vị thế của mình. Công ty xác định 3 yếu tố tạo nên thành công của một chiến lược phát triển bền vững chính là: phát triển nguồn nhân lực, chất lượng sản phẩm dịch vụ và phát triển hệ thống. Cùng với chiến lược phát triển, luôn là một kế hoạch hành động đã từng bước đưa PHS có những bước phát triển ấn tượng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Với nền tảng vĩ mô được dự báo duy trì sự tích cực, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023 có thể ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ và tiếp tục thu hút dòng vốn ngoại chảy vào thị trường. Trước những cơ hội và thách thức đến từ bối cảnh kinh doanh, các giải pháp cho từng hoạt động kinh doanh tại PHS được xác lập cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược trung – dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững. Tăng trưởng bền vững luôn là lựa chọn của PHS để có thể tồn tại và vững bước đồng hành cùng sự phát triển của thị trường.

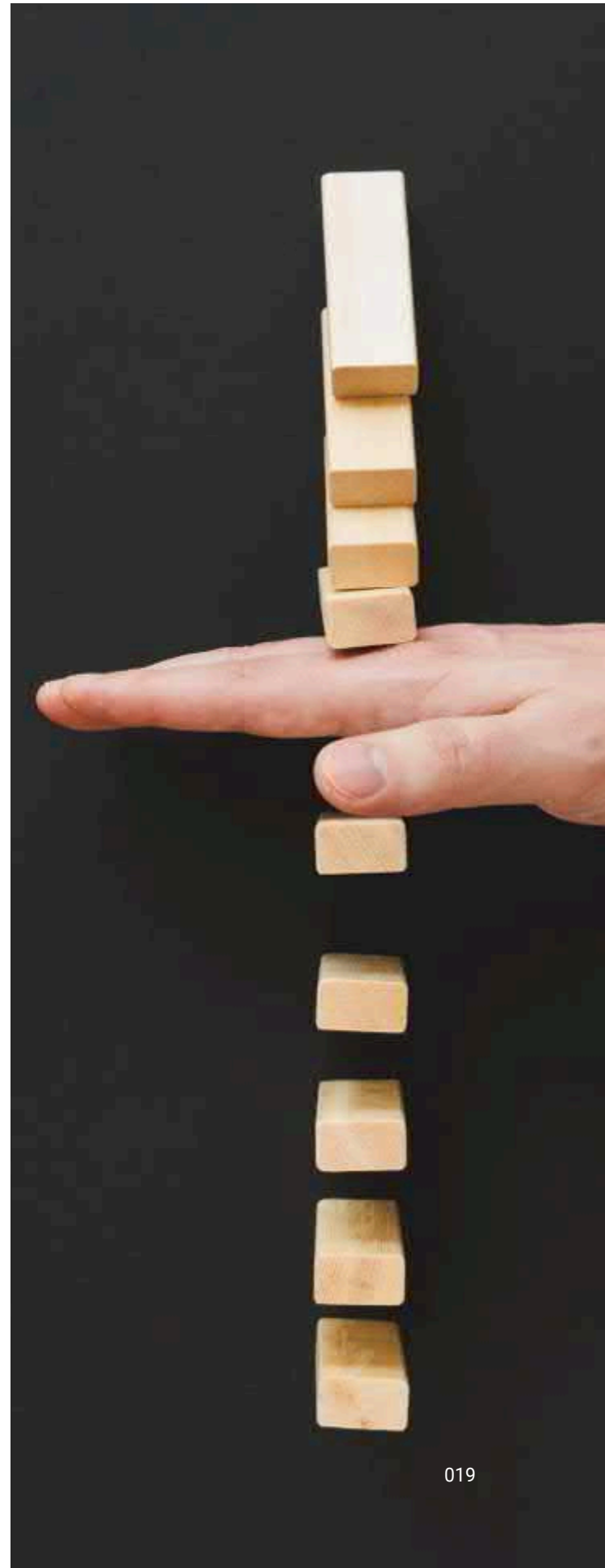
PHS chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng để tối ưu năng lực các dịch vụ trực tuyến, cải tiến các tính năng phục vụ việc giao dịch của nhà đầu tư thêm thuận lợi, cũng như cải tiến các quy trình cung cấp dịch vụ, bổ sung các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm gia tăng trải nghiệm của khách hàng. Đồng thời cải tiến các quy trình nội bộ nhằm tăng hiệu suất làm việc của nhân viên.

Đồng thời, để đáp ứng việc tăng trưởng nhanh của số lượng nhà đầu tư cũng như yêu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao, PHS sẽ tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch tuyển dụng Nhân viên mới. Các ứng viên đều trải qua quy trình tuyển chọn kỹ càng và tham gia chương trình đào tạo, đảm bảo kiến thức chuyên môn cao cũng như kỹ năng thực hiện tốt công việc, nâng cao chất lượng tư vấn cũng như chăm sóc khách hàng. Đào tạo đội ngũ kế thừa các cấp được đặt trọng tâm trong các hoạt động đào tạo và chương trình nhân sự.

CÁC RỦI RO

- ❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- ❖ **Rủi ro thanh toán** là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- ❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro xảy ra khi PHS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.
- ❖ **Rủi ro hoạt động** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.
- ❖ **Rủi ro pháp lý** là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Các chính sách quản lý rủi ro của PHS được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà PHS có thể gặp phải, từ đó đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của PHS. Thông qua các chuẩn mực, quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng; trong đó, tất cả các nhân viên đều hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sau một năm 2021 rất thành công của thị trường chứng khoán Việt Nam, nhiều điều bất ngờ đã xảy ra trong năm 2022. VN-Index đạt đỉnh vào ngày 4/7/2022 khi thị trường đóng cửa ở mức 1.524,7 điểm và từ đó bắt đầu chuỗi 7 tháng điều chỉnh với điểm thấp nhất là khi thị trường đóng cửa ở mức 911,9 điểm vào ngày 15/11/2022, đồng nghĩa với việc giảm 40% so với đỉnh cao nhất. Tính đến hết năm 2022, giá trị giao dịch toàn thị trường thấp hơn 26% so với cùng kỳ năm ngoái. Trái ngược với sự bùng nổ thanh khoản của thị trường từ tháng 5 đến tháng 9/2021, giá trị giao dịch trong cùng giai đoạn này trong 2022 chỉ quanh mức 16.000 tỷ đồng/ngày,

thấp hơn 39% so với trước đó. Sự sụt giảm điểm chỉ số và thanh khoản thị trường bắt nguồn từ các vấn đề bất ổn toàn cầu cũng như các vấn đề kinh tế và chính trị nội bộ của Việt Nam. Trong ngắn hạn, nó đã tác động không nhỏ đến hiệu quả đầu tư cũng như tâm lý, niềm tin của đại đa số nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, với nền tảng kinh tế vững chắc của Việt Nam hiện nay, sau khi những vấn đề nội tại của Việt Nam được sáng tỏ vào đầu năm 2023, niềm tin của nhà đầu tư sẽ nhanh chóng phục hồi, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ quay trở lại giai đoạn tăng trưởng thuận lợi.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong những năm gần nhất, lợi nhuận hoạt động của công ty đều biến đổi theo chiều hướng tích cực. Kết quả lợi nhuận hoạt động đạt mức cực đại vào năm 2022 với khoảng 73,7 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của PHS tại 2022 đã đạt được kết quả khả quan với khoảng 59,9 tỷ đồng nhưng giảm nhẹ so với năm 2021.



CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

a) Hoạt động môi giới chứng khoán

Trong cả năm 2022 với bối cảnh thanh khoản trung bình thị trường sụt giảm 26%, giá trị giao dịch cổ phiếu của PHS chỉ sụt giảm 21% nhờ vậy đã hỗ trợ cho thị phần giao dịch cổ phiếu PHS trong 2022 tăng 5% so với cuối năm 2021. Thành tích của công ty đã có sự tăng trưởng nhất định khi doanh thu môi giới đạt khoảng 188 tỷ đồng và thu nhập lãi vay ký quỹ đạt khoảng 289 tỷ đồng, đạt lần lượt 157% và 188% so với kế hoạch đã đặt ra trong 2022.

b) Hoạt động tự doanh

Tuy TTCK Việt Nam trải qua một năm 2022 đầy biến động, nhưng với việc bám sát chuyển động thị trường, cùng với quy trình kiểm soát rủi ro chặt chẽ đã giúp khối Tự doanh hạn chế được mức thiệt hại trong năm vừa qua. Danh mục tự doanh ghi nhận mức giảm 12,8% so với mức giảm 32,8% của chỉ số VN-Index.

c) Hoạt động tư vấn và phân tích

Nhằm mục đích đóng góp cho trao đổi kinh nghiệm trên TTCK Việt Nam và nước ngoài, góp phần giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài hiểu thêm về TTCK Việt Nam, PHS cung cấp hệ thống giao dịch, dịch vụ tư vấn và toàn bộ báo cáo nghiên cứu, bao gồm báo cáo ngày, báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo phân tích chứng khoán cá nhân, báo cáo ngành và báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô bằng ba ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không còn bị rào cản ngôn ngữ và có nhiều cơ hội hơn để tham gia vào sự phát triển kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, các dịch vụ tư vấn liên quan đến niêm yết, phát hành, cổ phần hóa, mua bán và sáp nhập cũng như các dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng tổ chức.

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CHI NHÁNH

Năm 2022, PHS không thay đổi số lượng chi nhánh và phòng giao dịch, vẫn giữ tổng cộng 7 chi nhánh và phòng giao dịch. Nhưng nâng cao chất lượng nhân sự thông qua việc tuyển dụng cũng như đào tạo. Kết quả hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và phòng giao dịch đã mang lại hiệu quả cao, từng bước khẳng định sự phát triển bền vững.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Chen Chia Ken

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Ông Li Hsin Hsien

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Phạm Thị Thu Nhân

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1984

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Đỗ Thị Ái Vy

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1986

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần



SỐ LƯỢNG, CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2022: 356 người.
- ❖ Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 99.247.814.667 đồng (chín mươi chín tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm mười bốn ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).
- ❖ Thu nhập bình quân: khoảng 22.551.196 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi một ngàn một trăm chín mươi sáu đồng)/ người/ tháng.

PHS thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo. PHS sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN: KHÔNG CÓ
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	4,766,910,736,417	3,676,223,540,195	(22.9%)
Doanh thu thuần	509,367,637,681	593,848,771,820	16.6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	176,367,031,298	72,936,565,655	(58.6%)
Lợi nhuận khác	59,909,896	746,308,144	1,145.7%
Lợi nhuận trước thuế	176,426,941,194	73,682,873,799	(58.2%)
Lợi nhuận sau thuế	140,935,106,927	59,979,201,559	(57.4%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A	N/A	N/A

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.49	1.73	
- Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1.48	1.73	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản			
	0.66	0.57	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
	1.97	1.30	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.15	0.14	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
	0.28	0.10	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
	0.09	0.04	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
	0.03	0.02	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			
	0.35	0.12	

ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	1,400,000,000,000	1,500,098,190,000	
- Tổng tài sản có	4,766,910,736,417	3,676,223,540,195	
- Tỷ lệ an toàn vốn	613%	449%	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay	67,981,666,870,662	53,319,143,845,883	
- Doanh số thu nợ	65,969,688,989,194	54,865,600,091,258	
- Nợ quá hạn	19,156,035,608	66,021,711,273	
- Nợ khó đòi	6,837,025,917	20,614,534,412	
Hệ số sử dụng vốn	2.5	2.7	
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0.01	0.03	
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0.002	0.01	
3. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.49	1.73	
- Khả năng thanh toán chung Tài sản ngắn hạn / Nợ phải trả	1.48	1.73	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đến 31/12/2022 là 150.009.819 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 101.059.819 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 48.950.000 cổ phiếu.

Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 3 cổ đông.

Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) có 359 cổ đông.

Cổ đông là tổ chức có 13 cổ đông.

Cổ đông là cá nhân có 349 cổ đông.

Cổ đông trong nước có 336 cổ đông.

Cổ đông nước ngoài có 26 cổ đông.

Cổ đông Nhà nước không có.

Cổ đông khác có 1 cổ đông – PHS (cổ phiếu quỹ).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 09/05/2022, PHS chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 4,8%/cổ phiếu.

Ngày 23/06/2022, PHS trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ lên 1.500.098.190.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 490 cổ phiếu, trong năm 2022 PHS không giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Năm 2022, PHS không phát hành chứng khoán.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG:

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NƯỚC:

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- > Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2022: 356 người.
- > Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 99.247.814.667 đồng (chín mươi chín tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm mười bốn ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).
- > Thu nhập bình quân: khoảng 22.551.196 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi một ngàn một trăm chín mươi sáu đồng)/ người/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- > Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2022: 357.288.920 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng).
- > Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 1 năm trong năm 2022: 624.611.303 đồng (sáu trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm mười một ngàn ba trăm lẻ ba đồng).
- > Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2022: 18,049,500 đồng (mười tám triệu không trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm đồng).
- > Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2022: khoảng 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng)/ người.

Hoạt động đào tạo người lao động

- > Trong năm 2022, PHS đã chính thức ra mắt hệ thống đào tạo trực tuyến CLS giúp nhân viên có thể học mọi lúc mọi nơi, ghi nhận và định hướng các khóa học cho nhân viên theo từng giai đoạn công việc và giảm thiểu chi phí cho việc đào tạo tập trung.
- > Trong năm 2022, Công ty không những đào tạo các kiến thức chuyên môn về sản phẩm, kỹ năng phân tích thị trường và nghiệp vụ Chứng Khoán, Công ty còn tăng cường xây dựng chương trình phát triển kỹ năng mềm giúp cho việc tư vấn sẽ thích ứng với từng phong cách khách hàng. Các chương trình đào tạo đã tổ chức trong năm 2022:
 - Chương Trình Đào Tạo Sản Phẩm Chứng Quyền Có Bảo Đảm
 - Chương Trình Đào Tạo Nghiệp Vụ Chứng Khoán
 - Chương Trình Kỹ Năng Nói Trước Công Chúng
 - Chương Trình Kỹ Năng Thuyết Trình
 - Chương Trình Hiểu Phong Cách Cá Nhân DISC
 - Các Chương Trình Đào Tạo Chứng Chỉ Hành Nghề Chứng Khoán
 - Chương Trình Đào Tạo Chuyên môn Trực Tuyến

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty đã tài trợ và cử nhân viên đại diện tham gia chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S. Ting được tổ chức hàng năm do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp cùng UBND Quận 7, Quận 8, Huyện Bình Chánh, Huyện Nhà Bè tổ chức từ năm 2006, với mục đích hỗ trợ đồng bào nghèo mỗi dịp Xuân về.

Bên cạnh tham gia các hoạt động phong trào thiện nguyện tại địa phương, công ty vẫn luôn cố gắng không ngừng tạo ra môi trường làm việc năng động, trẻ trung để giúp các bạn sinh viên trải nghiệm, thực tập và làm việc thực tế tại doanh nghiệp cũng như tìm hiểu thêm về thị trường tài chính, chứng khoán khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường nhằm góp phần trách nhiệm với cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng đội ngũ kế thừa trẻ tài năng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN: KHÔNG CÓ





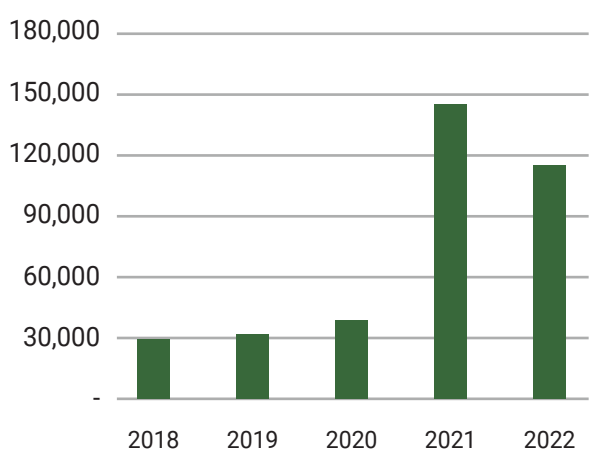
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



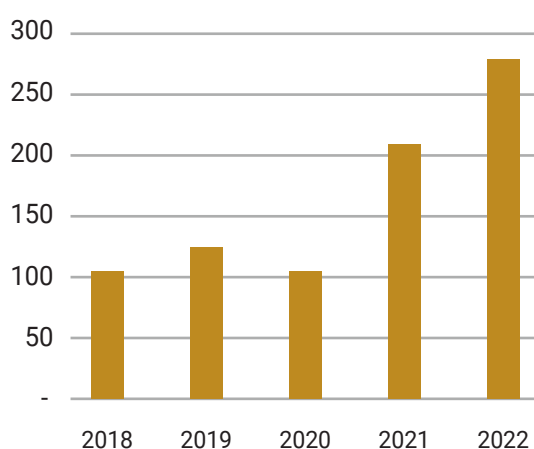
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH



DOANH THU CHO VAY KÝ QUỸ



Đơn vị tính: tỷ đồng

Với bối cảnh thanh khoản trung bình thị trường sụt giảm 26% từ khoảng 26,6 nghìn tỷ/ ngày trong 2021 xuống còn khoảng 19,8 nghìn tỷ/ ngày của năm 2022, giá trị giao dịch cổ phiếu của PHS chỉ sụt giảm 21% nhờ vậy đã hỗ trợ cho thị phần giao dịch cổ phiếu PHS trong 2022 tăng 5% so với cuối năm 2021. Thành tích của công ty đã có sự tăng trưởng nhất định khi doanh thu môi giới đạt khoảng 188 tỷ đồng và thu nhập lãi vay ký quỹ đạt khoảng 289 tỷ đồng, đạt lần lượt 157% và 188% so với kế hoạch đã đặt ra trong 2022. So với năm 2021, doanh thu môi giới sụt giảm 16% và lãi vay ký quỹ tăng trưởng 26%. Vào nửa cuối năm khi đối mặt với việc đồng USD mạnh lên và khó khăn mặt bằng lãi suất tăng, công ty đã gặp phải khoản lỗ tỷ giá đáng kể cùng với chi phí vốn tăng, điều này sẽ có ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của PHS trong năm.

Năm 2022 là một năm quan trọng đối với hoạt động kinh doanh môi giới chứng khoán phái sinh của PHS. Vừa ra mắt vào năm 2021 nên thị phần và tổng thu nhập trong năm đó còn khá khiêm tốn với 0,31% thị phần và doanh thu 1,4 tỷ đồng. Tuy nhiên đến hết 2022, thành tích này lần lượt tăng trưởng từ bốn đến sáu lần, với thị phần đạt mức 1,73% và doanh thu đạt khoảng 11,4 tỷ đồng, nên đã giúp đưa PHS lọt vào Top 9 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán phái sinh lớn nhất trên HNX.

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán Việt Nam không chỉ đối mặt với những thách thức từ bên ngoài như cục dự trữ liên bang Mỹ tăng lãi suất, hay đồng USD tăng mạnh do áp lực lạm phát, mà còn chịu ảnh hưởng bởi một số nhân tố từ bên trong. Mặc dù các biện pháp xử lý của cơ quan quản lý liên quan đến tính minh bạch trên thị trường về lâu dài sẽ giúp thị trường vốn Việt Nam phát triển bền vững hơn, nhưng trong ngắn hạn đã ảnh hưởng đến tâm lý thị trường. Nhiều cổ phiếu đối mặt với áp lực bán giải chấp, đã làm cho giá cổ phiếu giảm rất mạnh. Tính đến ngày 30/12/2022, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1.007 điểm (-32,8%), trong khi HNX-Index đóng cửa ở mức 205,3 điểm (-56,7%).

Chúng tôi nhận thấy các nhân tố từ bên ngoài tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường. Trong khi đó, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản cũng gây ra trở ngại cho thị trường cổ phiếu. Vì vậy, trước áp lực bán tháo lan rộng, chúng tôi đã điều chỉnh danh mục về mức an toàn để giảm bớt rủi ro. Nhờ đó, mức giảm danh mục của chúng tôi thấp hơn nhiều so với VN-Index. Kết thúc ngày 30/12/2022, danh mục Tự doanh ghi nhận mức lỗ 12,8%.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

TTCK Việt Nam cũng chịu tác động mạnh bởi các yếu tố bất ổn của kinh tế - chính trị toàn cầu và những thay đổi về chính sách điều hành vĩ mô trong nước dẫn tới thị trường giảm mạnh. Vì vậy, các dịch vụ của khối Tư vấn cũng phần nào bị ảnh hưởng. Các dịch vụ tư vấn trọng yếu như phát hành cổ phiếu, tư vấn niêm yết cũng bị kiểm soát chặt chẽ hơn trước. Mục tiêu doanh thu của năm 2022 đã không đạt được như mong đợi. Tuy nhiên, PHS đã tăng cường kết nối với bộ phận khác trong công ty như khối Môi giới, các công ty cổ phần, công ty đại chúng và công ty niêm yết để tìm kiếm thêm khách hàng tiềm năng.

Khối Tư vấn sẽ tiếp tục nỗ lực để hoàn thành những hợp đồng đã ký kết trong năm 2022 và đầu năm 2023. Các dịch vụ tư vấn phát hành chứng khoán, IPO, niêm yết vẫn là các dịch vụ tư vấn trọng yếu trong năm 2023. Khối tư vấn sẽ tập trung nâng cao năng lực tư vấn, cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói cho các khách hàng, trong đó có nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam.

Ngoài ra, đội ngũ tư vấn sẽ tăng cường hợp tác với phòng Khách hàng tổ chức và khối Tự doanh của công ty, các tổ chức tài chính khác nhằm mở rộng các mối quan hệ trong nước và quốc tế, tạo ra các sản phẩm dịch vụ khác cho khối tư vấn. Việc bồi dưỡng kinh nghiệm tư vấn và cải thiện chất lượng dịch vụ là những yếu tố mà PHS sẽ luôn chú trọng để gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng trong tương lai. Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng với sự chuyên nghiệp và kinh nghiệm của mình sẽ giúp nhiều khách hàng hoàn thành mục tiêu kinh doanh và tiếp tục tạo dựng thương hiệu uy tín trong ngành.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Cuối năm 2022 tổng tài sản công ty đang quản lý là 3.676.223.540.195 đồng giảm 1.090.687.196.222 đồng (22,9%) so với đầu năm. Trong đó tài sản ngắn hạn là 3.594.952.135.875 đồng chiếm 97,8% trong tổng tài sản (đầu năm chiếm 98,5%). Tài sản dài hạn là 81.271.404.320 đồng chiếm 2,2% trên tổng tài sản (đầu năm chiếm 1,5%). Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2022 so với đầu năm không thay đổi nhiều nhưng tổng tài sản giảm chủ yếu do hoạt động cho vay của công ty giảm. Hiệu suất sử dụng tài sản là 0,14.

Nợ xấu phải thu cuối năm 2022 là 20.614.634.412 đồng chiếm 0,56% trên tổng tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cuối năm 2022, khoản nợ phải trả của công ty là 2.078.779.920.986 đồng và không có nợ quá hạn. Trong đó nợ phải trả cho tổ chức nước ngoài là 1.733.020.000.000 đồng chiếm 83,4% của tổng nợ phải trả, vì vậy sẽ ảnh hưởng đến chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả và chi phí lãi vay.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1.77	1.95	1.82	1.82	1.49	1.73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	56%	51%	54%	53%	66%	57%
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	127%	103%	118%	115%	197%	130%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	11%	12%	12%	10%	15%	14%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13%	21%	24%	24%	28%	10%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4%	6%	6%	5%	12%	4%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	2%	3%	3%	2%	3%	2%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	Đồng / CP	537	729	679	603	1.229	400

Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn của PHS qua các năm đều lớn hơn 1 cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không thay đổi nhiều qua các năm và thấp hơn so với mức giới hạn 500% áp dụng cho công ty chứng khoán.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty như hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng đều qua các năm cho thấy sự cải thiện đáng kể trong hiệu quả hoạt động kinh doanh của PHS.

Tính đến thời điểm 31/12/2021, số dư các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2021
Cho vay	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	3,538,094
Ngắn hạn	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	3,538,094
Dài hạn	0	0	0	0	-	-
Tổng cộng	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	3,538,094

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

Số dư các khoản thuế phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022
Thuế giá trị gia tăng	2	5	3	3	4	20
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3,249	4,084	5,986	3,876
Thuế thu nhập cá nhân	1,368	1,275	1,608	3,694	12,483	10,232
Thuế nhà thầu	0	-	16	28	28	1,126
Tổng cộng	1,371	1,280	4,876	7,809	18,501	15,255

Các khoản phải thu:

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	15,979	32,398	20,294	21,522	46,758	57,343
Trả trước cho người bán	434	1,151	906	1,147	1,701	1,700
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	25,888	15,727	14,855	1,586	160,061	9,824
Phải thu khác	12,802	12,936	12,909	12,927	13,103	13,006
Dự phòng các khoản phải thu	(9,470)	(9,290)	(9,326)	(9,186)	(6,315)	(7,453)
Tổng cộng	45,633	52,922	39,637	27,996	215,308	74,420

Các khoản phải trả:

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022
Nợ phải trả ngắn hạn	644,152,348	766,188	906,211	1,140,360	3,160,455	2,076,800
Nợ phải trả dài hạn	340,437	365	337	1,312	1,792	1,980
Tổng cộng	644,493	766,552	906,548	1,141,671	3,162,247	2,078,780

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2017, 2018, 2019

	Risk / Liquid capital	Risk / Liquid capital	Risk / Liquid capital	Risk / Liquid capital	Risk / Liquid capital	Risk / Liquid capital
Chỉ tiêu	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022
Tổng giá trị rủi ro thị trường	510	275	405	13,886	1,968	722
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	28,474	34,389	28,599	45,990	69,484	160,683
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60,000	60,000	60,000	50,000	180,000	180,000
Tổng giá trị rủi ro	88,985	94,664	89,004	109,876	251,452	341,405
Vốn khả dụng	504,606	740,875	758,447	948,638	1,540,387	1,532,038
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	567%	783%	852%	863%	613%	449%

Theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. PHS luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ❖ Ban Giám đốc đã có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các mảng việc đều có lãnh đạo phụ trách trực tiếp nhờ vậy việc quản lý, điều hành doanh nghiệp được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mang lại hiệu quả cao. Công ty đã sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao năng suất lao động, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bộ máy quản lý được tinh giảm, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban được lồng ghép theo hướng chuyên môn hóa cao tránh chồng chéo. Công ty đã xây dựng được lực lượng lao động chuyên nghiệp, lành nghề và toàn tâm toàn ý với sự phát triển của công ty.
- ❖ Về công nghệ, sản phẩm và dịch vụ: Công ty luôn chú trọng nâng cấp hệ thống, cải tiến sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và người sử dụng.
- ❖ Về chính sách: luôn cập nhật những thay đổi để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI

Sau quá trình tái cấu trúc thành công khối Nhân sự nói chung và đầu tư mạnh mẽ hơn cho mảng tuyển dụng và đào tạo nói riêng, đến hết năm 2022 công ty đã tuyển dụng được 108 nhân viên môi giới với tỷ lệ tồn tại đạt khoảng 53.2%. Đó là một kết quả khá ấn tượng trong tình hình thị trường năm nay không mấy thuận lợi.

Trong năm 2023, PHS vẫn tiếp tục cập nhật chế độ phúc lợi, chính sách chỉ tiêu của khối Môi giới để phù hợp với diễn biến thị trường và duy trì hiệu quả cần thiết của đội ngũ kinh doanh. Dự báo thị trường chứng khoán năm 2023 sẽ có nhiều thách thức dẫn đến mối liên kết giữa nhân viên môi giới và công ty môi giới dễ bị rạn nứt. Tuy nhiên, đó cũng là một cơ hội tốt của chúng ta để tiếp cận và sàng lọc các ứng viên tiềm năng.

TỰ DOANH

Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà hồi phục với mục tiêu tăng trưởng 6,5% như Quốc hội đề ra, cho thấy Việt Nam vẫn là điểm sáng trong nền kinh tế toàn cầu trong năm nay. Đặc biệt, gần đây các cơ quan quản lý của Việt Nam đang nỗ lực tìm giải pháp để lấy lại niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường tài chính. Do đó, chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam sau đợt giảm sâu trong năm 2022 sẽ hồi phục lại trong năm 2023.

Hiện tại, danh sách cổ phiếu đầu tư được theo dõi, cập nhật và điều chỉnh cùng với những tín hiệu từ kỹ thuật và cơ bản. Ngoài ra, danh mục đầu tư cũng được xem xét thường xuyên. Quá trình theo dõi diễn biến cổ phiếu được ghi nhận như là hướng dẫn cho hoạt động đầu tư trong tương lai. Hiện tại, chúng tôi duy trì danh mục ở mức hợp lý, và sẽ gia tăng tỷ trọng khi thị trường có tín hiệu hồi phục.

Nhìn chung, khối Tự doanh sẽ theo sát diễn biến thị trường và tích cực hơn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Với việc hợp tác chặt chẽ với đội ngũ Phân tích trong việc phân tích cơ bản cũng như phân tích kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, kỳ vọng đạt được lợi nhuận tiềm năng, bên cạnh đó rủi ro cũng được kiểm soát chặt chẽ, cũng như hiệu suất đầu tư vượt trội hơn trong năm 2023.

SẢN PHẨM CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tính trong năm 2022, có tổng cộng 288 mã Chứng quyền có bảo đảm mới được phát hành và niêm yết trên sàn Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, với tổng khối lượng hơn 1,4 tỷ Chứng quyền có bảo đảm và tổng giá trị hơn 2.500 tỷ đồng. Bên cạnh đó, khối lượng giao dịch thị trường Chứng quyền có bảo đảm cũng không ngừng tăng trưởng. Đặc biệt, khối lượng giao dịch đạt đỉnh điểm hơn 85 triệu đơn vị Chứng quyền có bảo đảm vào ngày 05/12/2022 và khối lượng giao dịch trung bình hàng ngày đạt 32 triệu đơn vị Chứng quyền có bảo đảm trong năm 2022.

Thông qua phát triển sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ có thêm lựa chọn sản phẩm đầu tư thay thế với nhiều ưu điểm nổi bật bao gồm việc thanh toán dễ dàng. Ngoài ra, khoản lỗ tối đa được xác định ngay thời điểm ban đầu, và trên hết, Chứng quyền có bảo đảm là một sản phẩm có tính chất đòn bẩy cao song cũng là một sản phẩm tương đối phức tạp. Một đặc điểm nữa giúp cho Chứng quyền có bảo đảm thu hút sự quan tâm của nhà

đầu tư nước ngoài đó chính là cung cấp thêm một sự lựa chọn mới để tìm kiếm cơ hội sinh lời tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Thêm vào đó, sự xuất hiện của Chứng quyền có bảo đảm, với chứng khoán cơ sở là cổ phiếu, sẽ phần nào giúp cho các doanh nghiệp niêm yết trong tương lai có thể giảm bớt áp lực tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Qua đó, có thể đáp ứng được nhu cầu đầu tư của khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài. Với những ưu điểm trên, thị trường Chứng quyền có bảo đảm được kỳ vọng sẽ tiếp tục mang lại nhiều lợi ích to lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023, giúp cho nhà đầu tư có thể tìm thấy cơ hội sinh lời theo chiều giá tăng mà còn cung cấp cho nhà đầu tư một sự lựa chọn mới trong việc tìm kiếm cơ hội sinh lời theo chiều giá giảm. Đặc biệt, Chứng quyền có bảo đảm còn là một công cụ hữu ích giúp nhà đầu tư có thể thực hiện các chiến lược đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Với những kỳ vọng về những lợi ích Chứng quyền có bảo đảm mang lại, thông qua việc phát triển sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm, PHS kỳ vọng gia nhập và trở thành đơn vị tổ chức phát hành Chứng quyền có bảo đảm dẫn đầu thị trường trong thời gian sắp tới. PHS hướng đến việc phát hành Chứng quyền có bảo đảm dựa trên cổ phiếu thuộc các nhóm ngành khác nhau trong rổ chỉ số VN30 với tỷ lệ chuyển đổi và thời gian đáo hạn linh hoạt, đáp ứng đa dạng nhu cầu chọn lựa Chứng quyền có bảo đảm của nhà đầu tư. Trong năm 2023, PHS đặt chỉ tiêu số đợt phát hành của Chứng quyền có bảo đảm sẽ được đa dạng hóa với tổng giá trị chào bán dự kiến khoảng 200 tỷ đồng. Bên cạnh đó, PHS sẽ tiến hành nâng cao chất lượng hệ thống, cơ sở vật chất công nghệ hiện đại cũng như nguồn nhân lực

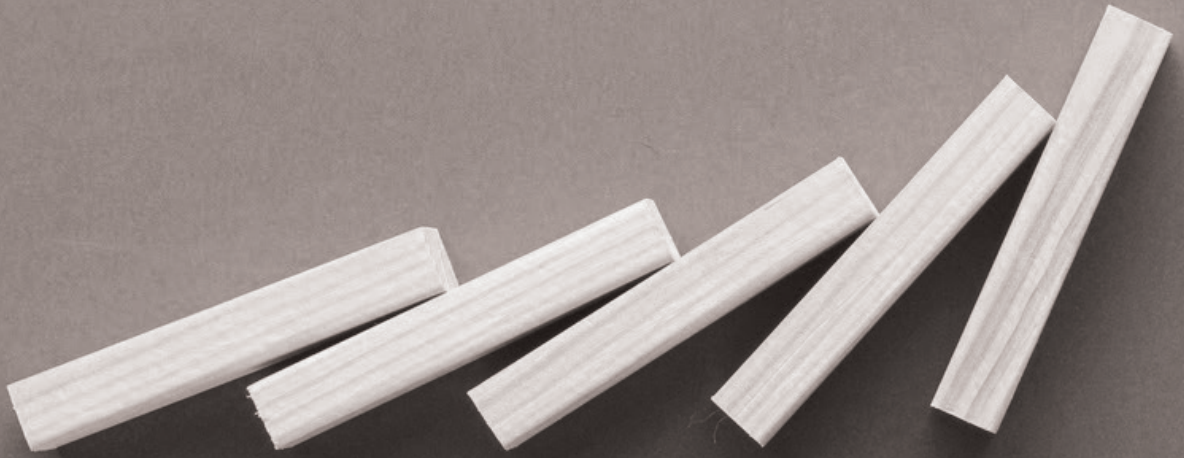


chất lượng nhằm thực hiện các nghiệp vụ phức tạp và đặc thù như hoạt động phòng ngừa rủi ro và tạo lập thị trường đối với Chứng quyền có bảo đảm.

MARKETING

Năm 2023 được dự báo là năm tương đối khó khăn với nền kinh tế vĩ mô nói chung cũng như với thị trường chứng khoán nói riêng. Chính vì vậy, dựa trên những thành quả của bước đầu tiếp cận hoạt động truyền thông & tiếp thị kỹ thuật số của năm 2022, trong năm tới, Phú Hưng dự kiến sẽ tối ưu hóa sức mạnh của các kênh truyền thông nội bộ với các mục tiêu:

- > Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ trên các kênh kỹ thuật số – Với tiền đề hoạt động 2022, PHS đã từng bước điều hướng nhà đầu tư tiếp nhận thông tin và các hoạt động quảng bá trên các nền tảng trực tuyến như website, email, mạng xã hội. Dự kiến 2023, PHS sẽ tiếp tục phát triển nội dung và tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng trên các nền tảng thông tin trực tuyến.
- > Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan báo chí truyền thông là tiền đề để quản lý khủng hoảng rủi ro trong bối cảnh thị trường nhiều biến động – Điều này đảm bảo cho các thông tin về Chứng khoán Phú Hưng không bị dẫn dắt sai hướng và các nhà đầu tư luôn có một nguồn thông tin hữu ích đảm bảo từ báo chí.
- > Đo lường và quản lý dữ liệu tiếp thị là yếu tố quan trọng để đánh giá hiệu quả – Một trong những ưu điểm nổi bật của hoạt động truyền thông tiếp thị kỹ thuật số là người quản lý hoặc công ty có thể nắm bắt được dữ liệu hành vi của khách hàng và đánh giá được hiệu quả của hoạt động dựa vào các dữ liệu trực quan thu thập được. Do đó, phương hướng hoạt động của Marketing năm 2023 cũng tập trung vào việc xây dựng hệ thống kiểm soát và đánh giá dữ liệu khách hàng trên tất cả các kênh truyền thông trực tuyến.



QUẢN LÝ RỦI RO

PHS thừa nhận rằng rủi ro là một thành phần thiết yếu và không thể tránh khỏi trong hoạt động kinh doanh và cam kết quản lý rủi ro một cách chủ động, linh hoạt, hiệu quả, không thay đổi chính sách một cách đột ngột và hỗ trợ tốt cho hoạt động kinh doanh.

Năm 2022 kinh tế trong nước vẫn còn chịu không ít ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến quá trình phục hồi và tăng trưởng. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng gánh chịu nhiều cú sốc lớn trong những tháng cuối năm 2022. PHS đã có các chiến lược quản lý rủi ro linh hoạt theo từng thời kỳ như thay đổi các tỷ lệ xử lý nhằm hỗ trợ kinh doanh cũng như phòng ngừa rủi ro trong giai đoạn thị trường nhiều biến động. Đồng thời kiểm soát giá vay, tỷ lệ vay phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thị trường. Bên cạnh đó, Chiến lược quản lý rủi ro đã có sự thay đổi trong đó cơ cấu dư nợ chủ yếu được phân bổ cho các cổ phiếu vốn hóa lớn, cổ phiếu cơ bản tốt và khách hàng có uy tín. Các hoạt động quản lý rủi ro cụ thể là dịch vụ giao dịch ký quỹ đạt hiệu quả cao. Dựa vào kết quả đánh giá nợ xấu từ dịch vụ giao dịch ký quỹ, chúng ta có thể thấy rằng không có phát sinh bất kỳ khoản nợ xấu nào mới trong những năm qua. Khối Quản lý rủi ro đã hợp tác tốt với khối Phân tích để có phân tích

nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và nhiều thay đổi trong chiến lược quản lý rủi ro cho thấy tính hiệu quả và linh hoạt với những thay đổi của thị trường. Đồng thời với việc sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin và triển khai các mô hình định giá cổ phiếu cũng hỗ trợ rất tốt cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro.

Với tình hình thị trường biến động mạnh trong cuối năm 2022 thì nhiều khả năng trong năm 2023 thị trường sẽ bước vào nhịp ổn định trước khi quay trở lại giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ. Căn cứ theo tình hình thị trường trong năm 2022, khối Quản lý rủi ro sẽ xây dựng những chính sách quản lý rủi ro phù hợp với thị trường chung trong năm 2023. Đồng thời tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu cơ bản tốt để tăng tỷ trọng của cổ phiếu đó trong danh mục



chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; hơn nữa, các chính sách cũng sẽ tập trung vào việc cải tiến quá trình đánh giá các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ nhằm giảm thiểu rủi ro cho PHS và khách hàng cũng như hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của toàn PHS.

PHS chính thức triển khai sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh được 02 năm, nên số lượng khách hàng còn nhiều cơ hội tăng trưởng trong năm 2023. Sản phẩm phái sinh ngày càng được mở rộng nên việc xây dựng các chiến lược quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán phái sinh ngày càng được chủ động và cải tiến để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Các rủi ro chính được xác định bao gồm: rủi ro thị trường, đòn bẩy vốn, sức ép yêu cầu ký quỹ, pháp lý, thanh khoản và rủi ro hệ thống. Theo đó Khối Quản lý rủi ro đề ra bộ tiêu chí quản lý rủi ro liên tục và phù hợp với thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh trên thị trường giao dịch phái sinh.

Bên cạnh đó trong năm 2023, mục tiêu giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ hoạt động kinh doanh là chiến lược quan trọng hoạt động quản lý rủi ro. Nhằm đảm bảo cho các chiến lược đó, Khối Quản lý rủi ro sẽ nỗ lực hợp tác với Khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và tiếp tục sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin để hỗ trợ tốt nhất cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro. Sau đó, chúng tôi tiếp tục áp dụng danh sách giao dịch ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay khác nhau nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn và hiệu quả, đồng thời gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Trên hết, chính sách Quản lý rủi ro năm 2023 phải đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, đồng nhất, hiệu quả và bền vững trong tăng trưởng kinh doanh.

QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Kinh tế năm 2022 có nhiều biến động ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động tài chính nói chung và chứng khoán nói riêng làm cho mức độ cạnh tranh trong ngành cũng tăng cao. Với Phương châm Nhân sự là một lợi thế cạnh tranh của công ty, trong năm 2022 PHS đã xây dựng lộ trình đào tạo cho nhân viên một cách toàn diện.

Các chương trình đào tạo của công ty bao gồm: chương trình bắt buộc của UBCK; các chương trình của công ty được đào tạo bằng hình thức học trực tiếp (offline) và trực tuyến (online thông qua hệ thống E-learning); Chương trình đào tạo nội bộ và thuê ngoài công ty từ các Chuyên gia.

Với lộ trình đào tạo năm 2023, PHS đặt mục tiêu nâng tầm Nhân viên không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn xây dựng quy trình bán hàng chuyên nghiệp và kỹ năng cho từng vị trí công việc giúp công ty thực hiện sứ mệnh đưa 4 giá trị Tân – Tốc – Thực – Giản đến cho Khách Hàng. Thông qua các khóa đào tạo, công ty đặt kỳ vọng sẽ giúp nhân viên có tầm nhìn dài hạn, phát triển sự nghiệp và gắn bó lâu dài với công ty.

Trong thời đại công nghệ 4.0, PHS tiên phong ứng dụng công nghệ vào đào tạo thông qua các hệ thống quản lý chuyên nghiệp. Hệ thống quản trị doanh nghiệp BASE, công ty tạo ra diễn đàn cũng như kho dữ liệu giúp cho Nhân viên “Học tập chủ động” thông qua trao đổi giữa các nhân viên, các báo cáo – phân tích và quy trình của công ty. Đối với hệ thống E-learning, công ty sẽ theo dõi quá trình học tập của nhân viên để xác định lộ trình phù hợp với từng nhân viên để đáp ứng tiêu chuẩn công việc.

Những năm gần đây, PHS đang nỗ lực xây dựng hình ảnh đẹp và chuyên nghiệp với sự hậu thuẫn là

các chính sách lương thưởng và chế độ phúc lợi hấp dẫn nhằm thu hút lực lượng lao động. Đồng thời, Người lao động cũng dựa trên điều này để lựa chọn nơi gắn bó lâu dài của họ. Do vậy, một chính sách tiền lương và phúc lợi thỏa đáng sẽ mang đến cho Doanh nghiệp những giá trị như sau:

- Đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện theo đúng kế hoạch. Đồng thời, tạo sự hài lòng và niềm tin của Người lao động

- Đảm bảo sự công bằng với tất cả Người lao động, qua đó thúc đẩy năng suất và chất lượng lao động.

- Nâng cao giá trị của doanh nghiệp trong thị trường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Nhằm đạt được các giá trị cốt lõi mà PHS đang xây dựng, những mục tiêu thiết yếu được xác định như bên dưới:

- Quy chế lương, thưởng và chính sách phúc lợi phải được xây dựng trên cơ sở phù hợp với Pháp luật lao động, tình hình kinh doanh và ngân sách hoạt động của Doanh nghiệp;

- Cơ chế chi trả lương, thưởng và phúc lợi được xây dựng theo vị trí, năng lực và kinh nghiệm của Người lao động;

- Đảm bảo yếu tố công bằng trong Doanh nghiệp và cạnh tranh so với thị trường nhằm tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, hài hòa và ổn định

- Xây dựng Quy chế xử lý kỷ luật lao động công bằng và minh bạch là cơ sở để tổ chức lao động khoa học, duy trì trật tự lao động và ổn định được sản xuất kinh doanh trong phạm vi Doanh nghiệp nói riêng và trên phạm vi toàn xã hội nói chung.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2022: 357.288.920 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng).

Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 1 năm trong năm 2022: 624.611.303 đồng (sáu trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm mười một ngàn ba trăm lẻ ba đồng).

Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2022: 18,049,500 đồng (mười tám triệu không trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2022: khoảng 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng)/ người.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty tài trợ và toàn thể nhân viên tham gia chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S.Ting được tổ chức hàng năm do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp UBND quận 7, quận 8, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè tổ chức từ năm 2006, với mục đích gây quỹ hỗ trợ đồng bào nghèo mỗi dịp Xuân về.

Bên cạnh tham gia các hoạt động phong trào thiện nguyện tại địa phương, PHS vẫn luôn cố gắng không ngừng tạo ra môi trường làm việc năng động, trẻ trung để giúp các bạn sinh viên trải nghiệm, thực tập và làm việc thực tế tại doanh nghiệp cũng như tìm hiểu thêm về thị trường tài chính, chứng khoán khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường nhằm góp phần trách nhiệm với cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng đội ngũ kế thừa trẻ tài năng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2022



Sau giai đoạn tăng giá vào năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua một năm 2022 bất ổn. Vn-Index đã giảm gần 33% YoY trong năm 2022 và là một trong những chỉ số chứng khoán có hiệu suất tồi tệ nhất trên thế giới. Sự sụt giảm này bị tác động bởi những điều kiện bất lợi của tình hình địa chính trị toàn cầu cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới.

Cuộc chiến giữa Nga và Ukraine đang diễn ra cùng với chính sách zero Covid ở Trung Quốc đã gây ra sự gián đoạn nghiêm trọng đối với chuỗi cung ứng toàn cầu và dẫn đến tình trạng lạm phát leo thang ở khắp nơi. Nhằm chống lại nguy cơ lạm phát gia tăng, các ngân hàng trung ương phải thắt chặt chính sách tiền tệ và tăng lãi suất. Tại Việt Nam, mặc dù áp lực lạm phát không đáng kể, NHNN cũng đã thực hiện tăng lãi suất điều hành để ổn định tỷ giá, chấm dứt thời kỳ tiền rẻ.

Ngoài ra, việc kiểm soát chặt chẽ thị trường trái phiếu và bất động sản cũng có tác động tiêu cực nhất định đến tâm lý thị trường.

Do đó, thanh khoản giao dịch giảm mạnh 21,2% YoY so với mức bình quân năm 2021, tương đương 17.004 tỷ đồng/phiên giao dịch đồng thời số lượng tài khoản chứng khoán mở mới cũng thấp hơn.

Trái ngược với tình trạng ảm đạm của thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2022 tương đối khởi sắc. Tỷ lệ tiêm chủng cao giúp Chính phủ tự tin sớm mở cửa nền kinh tế. Tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02%YoY - mức tăng trưởng GDP hàng năm cao nhất trong hơn một thập kỷ qua và vượt mục tiêu Chính phủ đề ra.

Lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết năm 2022 tiếp tục tăng trưởng 6,5%YoY, được dẫn dắt bởi khối ngân hàng (đóng góp hơn 40% tổng lợi nhuận toàn thị trường). Nhờ lợi nhuận ổn định của các công ty

niêm yết và thị trường điều chỉnh mạnh, định giá của thị trường chứng khoán đã trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư dài hạn.

Tính đến cuối năm 2022, tỷ lệ P/E của Vn-Index ở mức 9,7x, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 10 năm là 14,5x. Mức định giá thấp sẽ thúc đẩy dòng tiền bắt đáy vào cuộc, điển hình là khối ngoại mua

lại từ tháng 11/2022 sau một thời gian dài bán tháo.

Chúng tôi cho rằng, trong dài hạn, sự tăng trưởng năng động của nền kinh tế Việt Nam và nhu cầu đầu tư của dân số trẻ sẽ tiếp tục thúc đẩy thị trường chứng khoán bùng nổ.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022 là một năm tương đối nhiều biến động đối với TTCK Việt Nam, PHS cũng đã có một năm kinh doanh khó khăn. Tổng doanh thu năm 2022 là 594 tỷ đồng, đạt 98% so với kế hoạch đề ra nhưng do ảnh hưởng bởi lỗ tỷ giá năm 2022 là 69 tỷ đồng, nên lợi nhuận sau thuế của PHS đạt 59,9 tỷ đồng, đạt 37% kế hoạch của năm Tài chính 2022 được thông qua vào kỳ ĐHCĐ năm vừa rồi. Nếu loại trừ lỗ tỷ giá thì lợi nhuận sau thuế của PHS đạt 80% kế hoạch đề ra.



NHỮNG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2023

Kết quả kinh doanh năm 2022 là sự nỗ lực của tập thể Ban TGD, các thành viên trong Ban Lãnh đạo và toàn thể nhân viên của PHS. HĐQT kỳ vọng công ty có thể đạt được các thành tựu cao hơn nữa trong các năm tiếp theo, HĐQT xác định một số định hướng cho hoạt động của công ty năm 2023 như sau:

- Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh để tạo ra những cơ hội và doanh thu hiệu quả hơn;
- Đầu tư các dự án nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm giao dịch, các hệ thống an ninh mạng và an toàn thông tin, ra mắt các công cụ giao dịch trực tuyến phục vụ khách hàng;
- Hoàn thiện các quy trình, nhân sự và nguồn vốn để có thể nhanh chóng triển khai các sản phẩm mới của Phái Sinh, Chứng quyền có bảo đảm, v.v.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Là một trong các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam, chúng tôi có trách nhiệm góp phần xây dựng thị trường vốn không ngừng nghỉ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới. Chúng tôi luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và trong ngành. PHS thường xuyên tổ chức kết nối giữa các doanh nghiệp tài chính cũng như các chuyên gia Đài Loan với UBCK và các Sở Giao dịch nhằm giao lưu chia sẻ thông tin và kinh nghiệm triển khai các sản phẩm tài chính mới đối với thị trường Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng mục đích của việc kinh doanh không chỉ đơn giản là tập trung vào lợi nhuận. Thông qua việc đóng góp và tham gia xây dựng thị trường, chúng tôi luôn giữ vai trò là người tiên phong trong việc định hướng tương lai cho TTCK Việt Nam.

NUÔI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ

PHS nhận thức được trách nhiệm của mình là đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Trong đó, PHS luôn chú trọng xây dựng các chiến lược phát triển để nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm của nhân viên. Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất và việc nuôi dưỡng, phát triển nhân lực cũng là yếu tố chính cho sự phát triển bền vững của PHS.

Một trong những hoạt động trách nhiệm xã hội của PHS là thường xuyên định kỳ tổ chức các buổi giao lưu, đào tạo đối với sinh viên các trường Đại học nhằm giúp các bạn trẻ định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán cũng như hỗ trợ các bạn trau dồi các kỹ năng, tạo cơ hội cho các bạn tham gia môi trường kinh doanh thực tế, thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh và kích thích sự phát triển của các bạn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGĐ điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGĐ đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ, kết quả doanh thu thuần tăng 16,6% và lợi nhuận trước thuế giảm 58,2% so với năm 2021. Công ty luôn nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong Đại hội cổ đông thường niên.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đạt được mục tiêu năm 2023, các giải pháp cho từng mảng kinh doanh đã được xác lập cụ thể dựa trên tầm nhìn chiến lược dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững cho PHS: phát triển hệ thống, chất lượng sản phẩm dịch vụ và phát triển nguồn nhân lực. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động. Cụ thể:

Nâng cấp sản phẩm hiện tại và phát triển thêm sản phẩm mới – PHS không ngừng nghiên cứu, phát triển và đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, đồng thời nâng cấp nhiều tiện ích hỗ trợ trên các sản

phẩm và công cụ giao dịch hiện tại. Trong Quý 3/2022, PHS đã đạt TOP 10 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh, PHS sẽ tiếp tục phát triển các tính năng mới cho nghiệp vụ chứng khoán phái sinh và mục tiêu đạt TOP 8 thị phần vào năm 2023. Trong năm 2023, PHS sẽ ra mắt sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm nhằm đáp ứng các nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng.

Xây dựng Hệ thống khôi phục dữ liệu sau thảm họa (“DR-site”) – sao lưu cơ sở dữ liệu là một trong những cách an toàn nhất để đảm bảo dữ liệu được an toàn. Nhằm để mang lại niềm tin cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm và dịch vụ của chúng tôi, tránh rủi ro gây nguy hiểm cho Công ty bằng cách vận hành bằng DR-site khi có yêu cầu.

Xây dựng PHS Mobile App – PHS hiểu rằng công nghệ trong một công ty hoạt động về giao dịch không còn đóng vai trò bổ trợ mà là yếu tố thiết yếu dẫn đến thành công then chốt. Đó không chỉ là việc đáp ứng nhu cầu thường xuyên về thích ứng công nghệ bình thường trong việc ổn định môi trường và/hoặc cải thiện hiệu suất, mà còn là cách rút ngắn thời gian giao dịch. Nền tảng giao dịch trực tuyến đang được cải tiến để phù hợp nhất với yêu cầu của các nhà giao dịch từ bình thường đến chuyên nghiệp. Hướng tới năm 2023, PHS đang lập kế hoạch, khám phá, cải thiện và triển khai dịch vụ trực tuyến trên PHS Mobile App để đáp ứng những thay đổi trong tương lai.

Mở rộng đội ngũ – PHS tin rằng nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của công ty. PHS đặc biệt quan tâm và chú trọng đến việc tuyển chọn những ứng viên tiềm năng, nhiệt huyết, hoài bão và sẵn sàng đối mặt với những cơ hội và thách thức mới. Trong năm 2023, PHS dự kiến gia tăng số lượng nhân sự mới có kinh nghiệm về môi giới chứng khoán, nhằm gia tăng thị phần không chỉ của khách hàng cá nhân mà cả khách hàng tổ chức. Việc mở rộng và kết hợp đội ngũ nhân viên mới với các nhân viên cấp cao có kinh nghiệm hiện có, PHS hướng tới mục tiêu một cộng đồng lớn hơn hoặc bằng hai, có khả năng thực hiện và hiện thực hóa các chiến lược phát triển của công ty trong từng giai đoạn phát triển.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng		0%
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	0%
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	0%
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên		0%
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập		0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KHÔNG CÓ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, Hội Đồng Quản Trị đã hoàn thành những công việc được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao phó, qua đó, góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh của PHS khởi sắc và nâng cao thị phần môi giới của PHS trên thị trường chứng khoán.

Ngày 27/01/2022, Hội Đồng Quản Trị thông qua việc sửa đổi, bổ sung chính sách Quản lý rủi ro.

Ngày 07/03/2022, Hội Đồng Quản Trị đã thông qua Điều lệ sửa đổi, Việc giới thiệu Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty (Nhiệm kỳ 2022-2025), Tái Bổ nhiệm Ông Chen Chia Ken làm Tổng giám đốc (Nhiệm kỳ 2022-2025), Điều chỉnh sơ đồ tổ chức Công ty và đổi tên khối Dịch vụ Khách hàng, Đăng ký làm Tổ chức phát hành Chứng quyền có bảo đảm đệ trình lên Đại

hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2022 để thông qua và áp dụng thực hiện.

Những văn bản trên đã cập nhật những quy định pháp luật mới nhất, góp phần tạo nên khung pháp lý chắc chắn, làm nền tảng để công ty hoạt động một cách có hiệu quả và nghiêm chỉnh tuân thủ quy định pháp luật.

PHS đã lập ra Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ để hỗ trợ Hội Đồng Quản trị kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ. Với nguồn nhân sự là những nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ đã giúp Hội Đồng Quản Trị quản lý tốt tất cả các rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Trong năm 2022, Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện 10 cuộc họp, thông qua 10 Nghị quyết với những nội dung đáng chú ý sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	27/01/2022	01/65_0122/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (SIC) tại ngày 31/12/2021; 2. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 31/12/2021; 3. Thông qua Việc trích lập các quỹ năm 2021; 4. Thông qua Việc áp dụng Hạn mức tín dụng mới với Ngân hàng KGI; 5. Thông qua Chính sách Quản lý rủi ro năm 2022.
2.	20/02/2022	01/66_0222/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên; 2. Thông qua Việc Đăng ký Giấy phép cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
3.	07/03/2022	01/67_0322/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (Đại hội) ngày 31/03/2022; 2. Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2021; 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021; 4. Thông qua Báo cáo Quản trị Công ty năm 2021; 5. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 30/08/2021; 6. Thông qua Báo cáo Cập nhật Điều lệ công ty về Địa chỉ Trụ sở chính và Vốn điều lệ năm 2021; 7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông; 8. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh Công ty trong năm 2022; 9. Thông qua Dự toán Ngân sách tài chính năm 2022; 10. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn; 11. Thông qua Việc sửa đổi Điều lệ Công ty; 12. Thông qua Việc giới thiệu Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty (Nhiệm kỳ 2022-2025); 13. Thông qua Việc Tái Bổ nhiệm Ông Chen Chia Ken làm Tổng giám đốc (Nhiệm kỳ 2022-2025); 14. Thông qua Việc Điều chỉnh sơ đồ tổ chức Công ty và đổi tên khối Dịch vụ Khách hàng; 15. Thông qua Việc Đăng ký làm Tổ chức phát hành Chứng quyền có bảo đảm; 16. Thông qua Việc niêm yết cổ phiếu PHS lên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE); 17. Thông qua Giấy Ủy quyền cho Ông Chen Chia Ken, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, làm Chủ tọa Đại hội và ký những văn bản liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 31/03/2022;

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
			<p>18. Thông qua Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2021;</p> <p>19. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Chang Hwa, chi nhánh HSI-Sung;</p> <p>20. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;</p> <p>21. Thông qua Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và các thủ tục liên quan với bà Nguyễn Lê Đức Hạnh</p>
4.	08/04/2022	01/68_0422/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua Việc Bầu Ông Albert Kwang – Chin Ting trở thành Chủ tịch HĐQT của Công ty (Nhiệm kỳ 2022-2025);</p> <p>2. Thông qua Việc Tái bổ nhiệm Bà Phạm Thị Thu Nhân trở thành Phó Tổng Giám Đốc của Công ty (Nhiệm kỳ 2022-2025);</p> <p>3. Thông qua Việc Bổ nhiệm Ông Li, Hsin – Hsien trở thành Phó Tổng Giám Đốc của Công ty (Nhiệm kỳ 2022-2025);</p> <p>4. Thông qua Ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021;</p> <p>5. Thông qua Ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021.</p>
5.	13/05/2022	01/69_0522/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 31/03/2022;</p> <p>2. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (SIC) tại ngày 31/03/2022;</p> <p>3. Thông qua Thù lao dành cho từng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022;</p> <p>4. Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>5. Thông qua Việc Áp dụng Hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Phương Đông, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</p> <p>6. Thông qua Việc Áp dụng Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Panhsin;</p> <p>7. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd – Chi nhánh Hong Kong;</p> <p>8. Thông qua Việc Thay đổi vị trí Trưởng Bộ phận Quản lý rủi ro của Công ty.</p>
6.	20/06/2022	01/70_0622/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương Mại Taipei Fubon – OBU;</p> <p>2. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Cathay United – OBU;</p> <p>3. Thông qua Việc Gia hạn và Tăng Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Quốc tế Mega – OBU;</p> <p>4. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd – Chi nhánh Đồng Nai;</p> <p>5. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</p> <p>6. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun, chi nhánh Đồng Nai;</p> <p>7. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Hua Nan, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</p> <p>8. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương Mại</p>

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
			<p>Taipei Fubon, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</p> <p>9. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Quốc tế Mega, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</p> <p>10. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Hội Sở.</p>
7.	15/07/2022	01/71_0722/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/06/2022;</p> <p>2. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (SIC) tại ngày 30/06/2022;</p> <p>3. Thông qua Việc Bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, Trưởng khối Tài chính;</p> <p>4. Thông qua Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng;</p> <p>5. Thông qua Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Hợp Tác Đài Loan;</p> <p>6. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – chi nhánh Offshore;</p> <p>7. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</p> <p>8. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng First Commercial Bank – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.</p>
8.	09/09/2022	01/72_0822/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Union Bank of Taiwan;</p> <p>2. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Entie Commercial Bank;</p> <p>3. Thông qua Hồ sơ đăng ký Chào bán riêng lẻ năm 2022 của PHS;</p> <p>4. Thông qua Hồ sơ đăng ký Niêm yết cổ phiếu PHS trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) năm 2022.</p>
9.	07/11/2022	01/73_0922/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/09/2022;</p> <p>2. Thông qua Dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/09/2022;</p> <p>3. Thông qua Ngân sách của Công ty năm 2023;</p> <p>4. Thông qua Hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh;</p> <p>5. Thông qua Hồ sơ về điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm;</p> <p>6. Thông qua Việc Gia hạn và Tăng Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Cathay United – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;</p> <p>7. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Shin Kong Đài Loan.</p>
10.	30/12/2022	01/74_1022/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua Cập nhật Ngân sách của Công ty năm 2023;</p> <p>2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023;</p> <p>3. Thông qua Thay đổi chức danh Thư ký Hội đồng Quản trị;</p> <p>4. Thông qua Điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm;</p> <p>5. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (BIDV);</p> <p>6. Thông qua Việc Tăng Hạn mức tín dụng với Ngân hàng KGI.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2022, thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã thực hiện đúng với nhiệm vụ được giao. Cùng với Ban Kiểm Soát, thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã giám sát và theo dõi các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc trong các hoạt động quản lý điều hành Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch	Có	Có
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	Có	Có
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Không	Có
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	Có	Có
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập	Không	Có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Liew Sep Siang	Trưởng Ban Kiểm Soát	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	0%
2.	Ông Lii, San-Rong	Thành viên (Ngày không còn là thành viên 31/03/2022)		0%
3.	Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên	Trợ lý đặc biệt của Chủ tịch Công ty Cổ phần CX Technology (VN)	0%
4.	Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên (Ngày bắt đầu là thành viên 31/03/2022)	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát trong năm 2022 đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS, bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị Công ty của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc cũng như hoạt động của các khối trong Công ty.

Trong năm 2022, Ban Kiểm Soát đã thực hiện những cuộc họp thể hiện qua các biên bản họp sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	29/03/2022	01/16_0122/BB-BKS	<ol style="list-style-type: none">Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động trong năm 2021 đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;Thông qua Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong năm 2022 đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
2.	08/04/2022	01/17_0222/BB-BKS	<ol style="list-style-type: none">Thông qua Việc Bầu Ông Liew Sep Siang trở thành Trưởng BKS của công ty (Nhiệm kỳ 2022-2025).
3.	30/12/2022	01/18_0322/BB-BKS	<ol style="list-style-type: none">Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022;Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho quý kết thúc ngày 30/09/2022;Báo cáo Tài chính tháng 11/2022;Báo cáo Hoạt động kinh doanh tháng 11/2022;Báo cáo Kế hoạch Kinh doanh 2023.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được nhận thù lao theo chế độ của Công ty. Tổng cộng khoản thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là 1.920.000.000 đồng.

Thành viên Ban Tổng Giám Đốc gồm có Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám Đốc nhận lương và thưởng theo chế độ của Công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2022, Cổ đông nội bộ không giao dịch cổ phiếu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2022, PHS không có hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2022, áp dụng những quy định về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, PHS đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 30/03/2022.

Đồng thời, PHS cũng tổ chức phổ biến các quy định mới để tất cả các khối trong công ty có cơ sở tuân thủ và thực hiện theo Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Ông Chen Chia Ken	Thành viên
Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên
Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên
	(từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Ông Lii, San Rong	Thành viên
	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Li, Hsin-Hsien	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 8 tháng 4 năm 2022)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower
8 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phòng Giao dịch
Phú Mỹ Hưng** Tầng trệt, CR2-08
107 Tôn Dật Tiên
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 3 Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam
157 Võ Thị Sáu
Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ
Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội Tầng 5, Tòa nhà Vinafor
127 Lò Đúc
Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Xuân Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex
N04 Hoàng Đạo Thúy
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Quận 1 Phòng 1003A, Tầng 10
81-83-83B-85 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00189-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		3.594.952.135.875	4.694.128.159.696
I	Tài sản tài chính		3.591.804.899.063	4.690.984.620.985
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		763.880.564.438	324.775.589.207
1.1	Tiền		55.080.564.438	108.134.947.665
1.2	Các khoản tương đương tiền		708.800.000.000	216.640.641.542
2	Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)		6.715.109.065	19.421.700.137
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		768.313.246.576	600.223.000.000
4	Các khoản cho vay		1.991.637.329.285	3.538.093.574.660
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính		(13.161.395.486)	(6.837.025.917)
7	Các khoản phải thu		57.343.194.800	46.758.401.725
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính		57.343.194.800	46.758.401.725
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.699.892.844	1.700.718.932
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		9.823.664.112	160.061.219.299
12	Các khoản phải thu khác		13.006.432.355	13.102.930.024
13	Dự phòng phải thu khó đòi		(7.453.138.926)	(6.315.487.082)
II	Tài sản ngắn hạn khác		3.147.236.812	3.143.538.711
1	Tạm ứng		98.000.000	197.450.000
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		3.049.236.812	2.946.088.711
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250)		81.271.404.320	72.782.576.721
II	Tài sản cố định		30.020.996.970	29.692.392.748
1	Tài sản cố định hữu hình		17.836.383.954	17.280.533.688
	Nguyên giá		46.081.175.822	43.628.468.326
	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.244.791.868)	(26.347.934.638)
3	Tài sản cố định vô hình		12.184.613.016	12.411.859.060
	Nguyên giá		25.271.616.400	22.433.666.400
	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.087.003.384)	(10.021.807.340)
IV	Tài sản dở dang dài hạn		1.633.369.056	3.461.452.486
V	Tài sản dài hạn khác		49.617.038.294	39.628.731.487
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn		4.624.178.350	4.379.289.498
2	Chi phí trả trước dài hạn		16.785.221.733	13.006.695.427
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.704.283.910	278.630.494
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		14.464.116.068	11.964.116.068
5	Tài sản dài hạn khác		10.039.238.233	10.000.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			3.676.223.540.195	4.766.910.736.417

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ			
	(300 = 310 + 340)		2.078.779.920.986	3.162.246.553.967
I	Nợ phải trả ngắn hạn		2.076.799.906.542	3.160.454.543.133
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		1.833.020.000.000	2.255.000.000.000
1.1	<i>Vay ngắn hạn</i>		1.833.020.000.000	2.255.000.000.000
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		199.342.817.216	848.064.294.306
8	Phải trả người bán		431.709.828	2.418.827.205
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		15.255.012.141	18.501.026.789
11	Phải trả người lao động		6.146.000	6.146.000
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		370.446.773	374.662.823
13	Chi phí phải trả		18.899.320.991	29.275.186.647
15	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	3.333.330
17	Các khoản phải trả khác		9.474.453.593	6.811.066.033
II	Nợ phải trả dài hạn		1.980.014.444	1.792.010.834
12	Dự phòng phải trả dài hạn		1.980.014.444	1.792.010.834
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		1.597.443.619.209	1.604.664.182.450
I	Vốn chủ sở hữu		1.597.443.619.209	1.604.664.182.450
1	Vốn cổ phần		1.500.097.005.000	1.399.998.815.000
1.1	<i>Vốn cổ phần</i>		1.500.098.190.000	1.400.000.000.000
1.5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>		(1.185.000)	(1.185.000)
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		12.064.998.139	12.064.998.139
5	Quỹ dự phòng tài chính		12.064.998.139	12.064.998.139
7	Lợi nhuận chưa phân phối		73.216.617.931	180.535.371.172
7.1	<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>		24.115.514.543	169.653.012.807
7.2	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>		49.101.103.388	10.882.358.365
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)			3.676.223.540.195	4.766.910.736.417

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND	
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY				
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	150.009.329	139.999.510
7	Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	1.313.540.000	3.596.490.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	2.500.000	2.500.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	57.000.000	530.000.000
13	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	6.710.000	122.800.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	6.855.539.762.000	6.163.044.661.000
a	<i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1	6.168.361.102.000	5.709.378.146.000
b	<i>TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2	109.765.880.000	38.204.410.000
c	<i>TSTC giao dịch cầm cố</i>	021.3	203.667.990.000	180.639.500.000
d	<i>TSTC phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4	308.993.160.000	70.000
e	<i>TSTC chờ thanh toán</i>	021.5	64.751.630.000	234.822.535.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	606.584.450.000	596.740.910.000
a	<i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1	96.265.250.000	89.740.910.000
b	<i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2	510.319.200.000	507.000.000.000
3	TSTC chờ về của nhà đầu tư/khách hàng	023	97.802.768.000	182.014.779.000
6	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	6.480.280.000	73.407.360.000
7	Tiền gửi của khách hàng	026	486.676.329.967	298.101.713.984
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	219.474.250.558	210.209.375.966
7.2	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	027.1	267.202.079.409	87.892.338.018

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	219.474.250.558	210.209.375.966
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	201.859.275.797	204.454.900.215
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	17.614.974.761	5.754.475.751

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND	
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1		Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01	1.933.611.365	9.985.315.892
<i>a</i>	<i>01.1</i>	<i>Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>26</i>	<i>3.419.602.661</i>	<i>7.951.341.170</i>
<i>b</i>	<i>01.2</i>	<i>Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		<i>(1.827.492.604)</i>	<i>1.630.790.280</i>
<i>c</i>	<i>01.3</i>	<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		<i>341.501.308</i>	<i>403.184.442</i>
1.2	02	Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	27	49.989.155.905	24.007.985.887
1.3	03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28	289.890.811.142	229.792.026.725
1.5	05	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro		-	80.000
1.6	06	Doanh thu môi giới chứng khoán		188.307.352.556	225.207.389.952
1.7	07	Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	50.000.000
1.9	09	Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.978.382.004	2.550.937.612
1.10	10	Doanh thu tư vấn		558.343.434	460.909.090
1.11	11	Thu nhập hoạt động khác		957.190.175	1.509.528.559
	20	Tổng doanh thu hoạt động		535.614.846.581	493.564.173.717
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1	21	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		5.777.217.205	4.260.364.430
<i>a</i>	<i>21.1</i>	<i>Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>26</i>	<i>5.263.454.832</i>	<i>4.055.105.572</i>
<i>b</i>	<i>21.2</i>	<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		<i>513.762.373</i>	<i>205.258.858</i>
2.2	22	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	1.100.000
2.4	24	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	11(a)	6.324.369.569	-
2.6	26	Chi phí hoạt động tự doanh		2.279.450.833	1.780.976.751
2.7	27	Chi phí môi giới chứng khoán	29	188.884.670.152	206.633.909.774
2.10	30	Chi phí lưu ký chứng khoán		4.514.699.277	3.216.538.320
2.11	31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn		1.858.604.566	1.655.202.670
2.12	32	Chi phí/(thu nhập) khác	11(b)	1.137.651.844	(2.870.836.145)
	40	Tổng chi phí hoạt động		210.776.663.446	214.677.255.800

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
III		DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	57.236.901.439	14.978.390.066
3.2		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	997.023.800	825.073.898
		Tổng doanh thu hoạt động tài chính	58.233.925.239	15.803.463.964
IV		CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	126.592.566.799	9.192.736.461
4.2		Chi phí lãi vay	87.384.149.853	37.348.585.516
		Tổng chi phí tài chính	213.976.716.652	46.541.321.977
VI		CHI PHÍ QUẢN LÝ	96.158.826.067	71.782.028.606
VII		KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 – 40 – 60 – 62)	72.936.565.655	176.367.031.298
VIII		THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		
8.1		Thu nhập khác	806.933.548	229.147.188
8.2		Chi phí khác	60.625.404	169.237.292
		Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	746.308.144	59.909.896
IX		TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	73.682.873.799	176.426.941.194
9.1		Lợi nhuận đã thực hiện	35.464.128.776	168.403.909.772
9.2		Lợi nhuận chưa thực hiện	38.218.745.023	8.023.031.422

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND		
X		CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	13.703.672.240	35.491.834.267	
10.1		Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	17.129.325.656	35.456.565.983
10.2		(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	(3.425.653.416)	35.268.284
XI		LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200	59.979.201.559	140.935.106.927	
XII		THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300	-	-	
XIII		THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU	500		(Trình bày lại)	
13.1		Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	33	400	1.229

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởngOng Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	73.682.873.799	176.426.941.194
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	52.377.239.979	10.307.722.710
Khấu hao và phân bổ	03	8.487.858.178	7.183.778.055
Các khoản dự phòng	04	7.650.025.023	(2.390.346.145)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(40.560.000.000)	(6.597.500.000)
Chi phí lãi	06	87.384.149.853	37.348.585.516
Dự thu tiền lãi	08	(10.584.793.075)	(25.236.794.716)
3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ	10	513.762.373	205.258.858
Tăng chênh lệch giảm từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	513.762.373	205.258.858
4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ	18	1.827.492.604	(1.630.790.280)
Giảm/(tăng) chênh lệch tăng từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	1.827.492.604	(1.630.790.280)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	128.401.368.755	185.309.132.482
Giảm/(tăng) TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	10.365.336.095	(7.517.667.458)
Tăng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(168.090.246.576)	(210.221.900.000)
Giảm/(tăng) các khoản cho vay	33	1.546.456.245.375	(2.011.977.881.468)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	150.237.555.187	(158.474.888.382)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	96.497.669	(175.502.659)
Tăng các tài sản khác	40	(2.684.677.085)	(2.824.523.113)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả	41	(11.099.522.031)	12.383.183.991
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	42	(546.339.121)	(8.199.387.704)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(19.239.475.429)	(33.554.794.300)
Tiền lãi đã trả	44	(86.660.493.478)	(35.642.139.012)
Giảm phải trả cho người bán	45	(1.986.291.289)	(7.730.349.974)
Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(4.216.050)	(1.368.000)
(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	(1.135.864.875)	8.789.765.341
(Giảm)/tăng các khoản phải trả khác	50	(649.012.692.420)	483.813.225.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	895.097.184.727	(1.786.025.095.133)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(10.323.714.256)	(6.809.335.019)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(10.323.714.256)	(6.809.335.019)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71	-	500.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	11.877.850.193.200	10.219.848.372.616
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(12.259.270.193.200)	(8.705.785.872.616)
Trả cổ tức cho cổ đông	76	(64.248.495.240)	(23.970.561.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(445.668.495.240)	1.990.091.938.880
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	439.104.975.231	197.257.508.728
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	324.775.589.207	127.518.080.479
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	103	763.880.564.438	324.775.589.207
▪ Tiền	103.1	55.080.564.438	108.134.947.665
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	708.800.000.000	216.640.641.542

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

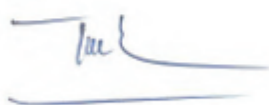
Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2022 VND	2021 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	55.278.898.044.103	70.912.517.887.715
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(53.472.664.033.750)	(69.761.655.842.550)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	68.602.863.817.464	84.682.371.539.562
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	07.1	179.309.741.391	87.700.229.912
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(70.398.012.296.993)	(85.824.913.283.488)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(1.820.656.232)	(2.160.923.585)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	188.574.615.983	93.859.607.566
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	298.101.713.984	204.242.106.418
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	298.101.713.984	204.242.106.418
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	298.101.713.984	204.242.106.418
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	486.676.329.967	298.101.713.984
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	486.676.329.967	298.101.713.984
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	486.676.329.967	298.101.713.984
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		267.202.079.409	87.892.338.018

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
 Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ông Chen Chia Ken
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B04 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2021	1/1/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND
Vốn cổ phần	900.000.000.000	1.400.000.000.000	500.000.000.000	-	100.098.190.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	(1.185.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5.018.242.793	12.064.998.139	7.046.755.346	-	-	12.064.998.139
Quỹ dự phòng tài chính	5.018.242.793	12.064.998.139	7.046.755.346	-	-	12.064.998.139
Lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 25(b))	83.393.613.237	180.535.371.172	140.935.106.927	(43.793.348.992)	59.979.201.559	(167.297.954.800)
Trong đó:						
Lợi nhuận đã thực hiện	80.534.286.294	169.653.012.807	132.912.075.505	(43.793.348.992)	21.760.456.536	(167.297.954.800)
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.859.326.943	10.882.358.365	8.023.031.422	-	38.218.745.023	-
Tổng cộng	993.428.913.823	1.604.664.182.450	655.028.617.619	(43.793.348.992)	160.077.391.559	(167.297.954.800)

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:

[Signature]

Bà Nguyễn Phương Trinh
 Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

[Signature]

Bà Đỗ Thị Ái Vy
 Kế toán trưởng



Ông Chen Chia Ken
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 110/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 11 năm 2022 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 1.500.098.190.000 VND (31/12/2021: 1.400.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 356 nhân viên (31/12/2021: 331 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(f) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(g) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(h) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(i) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 4 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 năm

(i) **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

(j) **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) **Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận đã thực hiện như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) bãi bỏ Thông tư 146. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, do đó Thông tư 114 sẽ được áp dụng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114, số dư còn lại có thể được sử dụng như sau:

Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Ban Giám Đốc Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(p) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	763.877.428.183	324.772.452.952
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	768.313.246.576	600.223.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	1.991.637.329.285	3.538.093.574.660
Các khoản phải thu (ii)	57.343.194.800	46.758.401.725
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	9.823.664.112	160.061.219.299
Các khoản phải thu khác (ii)	13.006.432.355	13.102.930.024
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	14.464.116.068	11.964.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.039.238.233	10.000.000.000
	3.628.504.649.612	4.704.975.694.728

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán từ 3 năm trở lên	11.441.401.806	11.305.824.087
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	3.924.199.169	5.974.199.169
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	862.826.748	862.826.748
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	48.291.197.147	-
	64.519.624.870	18.142.850.004

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền gửi tại Công ty	-	251.705
Chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại	3.988.262.880	4.990.085.300
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	5.253.080	1.325.500
▪ Sàn UPCOM	3.983.009.800	4.988.759.800
TSTC phong tỏa, tạm giữ	39.916.827.578	-
	43.905.090.458	4.990.337.005

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 3 năm trở lên	732.072.435	1.013.185.604
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	770.013.968	-

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.833.020.000.000	1.874.732.368.176	1.874.732.368.176
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	199.342.817.216	199.342.817.216	199.342.817.216
Phải trả người bán	431.709.828	431.709.828	431.709.828
Chi phí phải trả	8.184.877.050	8.184.877.050	8.184.877.050
Các khoản phải trả khác	9.474.453.593	9.474.453.593	9.474.453.593
	2.050.453.857.687	2.092.166.225.863	2.092.166.225.863

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	2.255.000.000.000	2.263.555.488.558	2.263.555.488.558
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	848.064.294.306	848.064.294.306	848.064.294.306
Phải trả người bán	2.418.827.205	2.418.827.205	2.418.827.205
Chi phí phải trả	10.576.372.027	10.576.372.027	10.576.372.027
Các khoản phải trả khác	6.811.066.033	6.811.066.033	6.811.066.033
	3.122.870.559.571	3.131.426.048.129	3.131.426.048.129

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	73.000.000	1.733.020.000.000	75.000.000	1.719.000.000.000

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2022	31/12/2021
USD/VND	23.740	22.920

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
USD (mạnh hơn 4% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	55.456.640.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
USD (yếu hơn 1% so với VND) – tăng lợi nhuận sau thuế	13.752.000.000

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	763.877.428.183	324.772.452.952
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	768.313.246.576	600.223.000.000
Các khoản cho vay thuận	1.978.475.933.799	3.531.256.548.743
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	14.464.116.068	11.964.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.039.238.233	10.000.000.000
Vay ngắn hạn	(1.833.020.000.000)	(2.255.000.000.000)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/4/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>		
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	6.304.703.558	19.183.351.498
• Cổ phiếu niêm yết	395.505.500	235.003.100
• Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	14.900.007	3.345.539
• Cổ phiếu chưa niêm yết		
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	768.313.246.576	600.223.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	763.880.564.438	324.775.589.207
▪ Các khoản cho vay - thuần	1.978.475.933.799	3.531.256.548.743
▪ Các khoản phải thu	57.343.194.800	46.758.401.725
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	9.823.664.112	160.061.219.299
▪ Các khoản phải thu khác - thuần	5.553.293.429	6.787.442.942
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14.464.116.068	11.964.116.068
▪ Tài sản dài hạn khác	10.039.238.233	10.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/4/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(1.833.020.000.000)	(*)	(2.255.000.000.000)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(199.342.817.216)	(*)	(848.064.294.306)	(*)
▪ Phải trả người bán	(431.709.828)	(*)	(2.418.827.205)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(8.184.877.050)	(*)	(10.576.372.027)	(*)
▪ Phải trả khác	(9.474.453.593)	(*)	(6.811.066.033)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kê toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền mặt	3.136.255	3.136.255
Tiền gửi ngân hàng	55.077.428.183	108.131.811.410
Các khoản tương đương tiền (i)	708.800.000.000	216.640.641.542
	763.880.564.438	324.775.589.207

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các khoản tiền và các khoản tương đương tiền là 91.000.000.000 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2021: 216.640.641.542 VND) (Thuyết minh 20).

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất các khoản tương đương tiền dao động từ 5,0% đến 6,0%/năm (31/12/2021: từ 0,5% đến 4,0%/năm).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2022		2021	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Cửa Công ty				
Cổ phiếu	2.753.544	142.311.582.746	6.849.352	289.213.441.860
Trái phiếu	11.382.564	1.154.627.879.404	2.000.000	206.818.000.000
b) Cửa nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	4.180.501.483	115.920.499.518.256	5.533.164.770	145.885.771.265.300
Trái phiếu	11.840.000	1.208.643.990.000	1.000.000	103.436.000.000
Chứng khoán khác	31.782.340	49.545.054.710	19.937.540	120.872.523.660
	4.238.259.931	118.475.628.025.116	5.562.951.662	146.606.111.230.820

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	7.002.606.666	6.304.703.558	17.550.873.029	19.183.351.498
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	411.499.004	395.505.500	240.123.204	235.003.100
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.900.007	14.900.007	3.345.539	3.345.539
	7.429.005.677	6.715.109.065	17.794.341.772	19.421.700.137

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tình hình biến động giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL trong năm như sau:

	Số lượng	31/12/2022		Chênh lệch tăng		Chênh lệch giảm		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022	
		Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	VND (3) = (2) – (1)	VND (4) = (1) – (2)	VND (5) = (1) + (3) – (4)			
Cổ phiếu niêm yết									
BVH	22.753	1.165.751.609	1.060.289.800	-	105.461.809	1.060.289.800			
FPT	13.453	1.042.382.403	1.034.535.700	345.241	8.191.944	1.034.535.700			
SAB	4.320	757.425.917	721.008.000	-	36.417.917	721.008.000			
VNM	9.288	700.618.373	706.816.800	6.563.759	365.332	706.816.800			
GAS	5.240	558.255.913	531.860.000	127.138	26.523.051	531.860.000			
BMP	6.612	395.393.294	396.720.000	1.326.706	-	396.720.000			
PNJ	3.472	373.050.384	312.132.800	745.049	61.662.633	312.132.800			
DHG	3.755	322.563.150	318.799.500	450.000	4.213.650	318.799.500			
VJC	1.415	169.918.774	154.942.500	-	14.976.274	154.942.500			
SSI	5.051	167.466.279	89.402.700	-	78.063.579	89.402.700			
SHB	3.782	72.149.310	37.630.900	-	34.518.410	37.630.900			
MSB	4.141	67.396.518	51.762.500	-	15.634.018	51.762.500			
Các cổ phiếu khác	47.309	1.210.234.742	888.802.358	46.653.039	368.085.423	888.802.358			
	130.591	7.002.606.666	6.304.703.558	56.210.932	754.114.040	6.304.703.558			
UPCOM									
ACV	4.600	397.386.094	389.160.000	-	8.226.094	389.160.000			
Các cổ phiếu khác	755	14.112.910	6.345.500	487.776	8.255.186	6.345.500			
	5.355	411.499.004	395.505.500	487.776	16.481.280	395.505.500			

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Số lượng	31/12/2022		Chênh lệch tăng		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022		Chênh lệch giảm		Giá trị đánh giá lại	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	(3) = (2) – (1)	VND	(4) = (1) – (2)	VND	(5) = (1) + (3) – (4)	VND	(5) = (1) + (3) – (4)	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết										
TAC	137	6.403.885	-	-	-	-	-	-	-	6.403.885
ROS	572	3.575.700	-	-	-	-	-	-	-	3.575.700
Các cổ phiếu khác	369	4.920.422	-	-	-	-	-	-	-	4.920.422
	1.078	14.900.007		14.900.007		-		-		14.900.007
	137.024	7.429.005.677		6.715.109.065		56.698.708		770.595.320		6.715.109.065

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 34/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số lượng	31/12/2021		Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
		Giá gốc VND (1)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021				
Cổ phiếu niêm yết							
MBB	68.990	1.935.644.950		1.993.811.000	58.166.050	-	1.993.811.000
FPT	19.486	1.671.677.637		1.812.198.000	140.520.363	-	1.812.198.000
VHM	20.484	1.641.883.418		1.679.688.000	53.504.582	15.700.000	1.679.688.000
GMD	25.567	810.967.616		1.209.319.100	398.351.484	-	1.209.319.100
PAN	30.082	1.147.980.000		1.158.157.000	10.177.000	-	1.158.157.000
CTG	30.977	1.031.136.783		1.050.120.300	18.983.517	-	1.050.120.300
SSI	20.188	1.004.896.350		1.045.738.400	43.342.050	2.500.000	1.045.738.400
HPG	21.722	1.026.829.039		1.007.900.800	3.689.705	22.617.944	1.007.900.800
KDH	10.947	551.924.338		558.297.000	11.905.995	5.533.333	558.297.000
BID	10.986	389.863.485		407.580.600	18.250.000	532.885	407.580.600
DCM	10.227	389.197.559		375.330.900	4.122.230	17.988.889	375.330.900
DRC	10.325	366.678.143		337.111.250	1.695.607	31.262.500	337.111.250
Các cổ phiếu khác	121.764	5.582.193.711		6.548.099.148	1.120.151.951	154.246.514	6.548.099.148
	401.745	17.550.873.029		19.183.351.498	1.882.860.534	250.382.065	19.183.351.498
UPCOM							
BSR	10.000	236.000.000		231.000.000	-	5.000.000	231.000.000
Các cổ phiếu khác	390	4.123.204		4.003.100	1.330.778	1.450.882	4.003.100
	10.390	240.123.204		235.003.100	1.330.778	6.450.882	235.003.100

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Số lượng	31/12/2021		Chênh lệch tăng		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021		Giá trị đánh giá lại VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)	(4) = (1) – (2)	(5) = (1) + (3) – (4)		
Cổ phiếu chưa niêm yết							
MCV	134	1.918.500	-	-	-	1.918.500	
CIC	54	679.437	-	-	-	679.437	
Các cổ phiếu khác	94	747.602	-	-	-	747.602	
	282	3.345.539	-	-	-	3.345.539	
	412.417	17.794.341.772	1.884.191.312	256.832.947	19.421.700.137	19.421.700.137	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	768.313.246.576	(*)	600.223.000.000	(*)

- (j) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 718.313.246.576 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2021: 600.223.000.000 VND) (Thuyết minh 20).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn dao động từ 4,0% đến 10,5%/năm (31/12/2021: từ 3,5% đến 5,2%/năm).

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	1.961.759.634.420	(*)	3.111.473.043.935	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	29.877.694.865	(*)	426.620.530.725	(*)
	1.991.637.329.285	(*)	3.538.093.574.660	(*)

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 10,5% đến 14,5% (31/12/2021: từ 9,0% đến 13,5%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 50% - 90% (31/12/2021: 50% - 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì là 30% - 70% (31/12/2021: 30% - 70%).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm từ 11,5% đến 14,5% ngày (31/12/2021: từ 9,0% đến 13,5%) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản phải thu

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	38.674.541.319	36.649.528.556
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi	57.698.630	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	18.610.954.851	10.108.873.169
	<hr/>	<hr/>
	57.343.194.800	46.758.401.725
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

9. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu từ hoạt động thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	7.818.970.000	157.984.981.500
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	188.065.523	1.209.090.043
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	1.195.186.990	787.561.993
Phải thu khác	621.441.599	79.585.763
	<hr/>	<hr/>
	9.823.664.112	160.061.219.299
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	12.173.474.241	12.319.009.691
Phải thu khác	832.958.114	783.920.333
	<hr/>	<hr/>
	13.006.432.355	13.102.930.024
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán phát sinh trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Dự phòng cho các khoản tạm ứng này được lập và trình bày trong Thuyết minh 11(b).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi

(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

2022

	Tại ngày 31/12/2022		Dự phòng tại ngày 31/12/2021	Dự phòng trích lập trong năm
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	53.078.223.064	39.916.827.578	13.161.395.486	6.837.025.917
				6.324.369.569

2021

	Tại ngày 31/12/2021		Dự phòng tại ngày 31/12/2020	Dự phòng trích lập trong năm
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	6.837.025.917	-	6.837.025.917	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi (tiếp theo)

(b) Dự phòng phải thu khó đòi

	Tại ngày 31/12/2022		Dự phòng tại ngày 31/12/2021 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
2022				
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.441.401.806	3.988.262.880	7.453.138.926	1.137.651.844
2021				
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.305.824.087	4.990.337.005	6.315.487.082	(2.870.836.145)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Bảo trì phần mềm	520.069.553	624.021.019
Chi phí thuê trả trước	397.739.634	373.477.674
Các chi phí khác	2.131.427.625	1.948.590.018
	<hr/>	<hr/>
	3.049.236.812	2.946.088.711
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	5.107.800.698	4.124.250.617
Phần mềm	3.084.781.893	3.313.166.405
Lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin	1.241.152.015	250.427.102
Nâng cấp văn phòng	6.771.407.807	5.055.397.806
Các chi phí khác	580.079.320	263.453.497
	<hr/>	<hr/>
	16.785.221.733	13.006.695.427
	<hr/>	<hr/>

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.006.695.427	5.509.349.173
Tăng trong năm	13.161.805.497	13.062.985.026
Phân bổ trong năm	(9.383.279.191)	(5.565.638.772)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	16.785.221.733	13.006.695.427
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

2022

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.347.351.678	39.688.270.879	2.265.440.000	327.405.769	43.628.468.326
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	126.117.200	126.117.200
Tăng trong năm	-	5.852.395.200	-	-	5.852.395.200
Xóa sổ	(746.169.459)	(2.779.635.445)	-	-	(3.525.804.904)
Số dư cuối năm	601.182.219	42.761.030.634	2.265.440.000	453.522.969	46.081.175.822
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.347.351.678	23.508.117.474	1.439.310.078	53.155.408	26.347.934.638
Khấu hao trong năm	-	4.788.715.568	546.246.857	87.699.709	5.422.662.134
Xóa sổ	(746.169.459)	(2.779.635.445)	-	-	(3.525.804.904)
Số dư cuối năm	601.182.219	25.517.197.597	1.985.556.935	140.855.117	28.244.791.868
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	16.180.153.405	826.129.922	274.250.361	17.280.533.688
Số dư cuối năm	-	17.243.833.037	279.883.065	312.667.852	17.836.383.954

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2021	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.347.351.678	33.738.056.337	2.265.440.000	53.146.500	37.403.994.515
Tăng trong năm	-	6.107.644.980	-	274.259.269	6.381.904.249
Xóa sổ	-	(157.430.438)	-	-	(157.430.438)
Số dư cuối năm	1.347.351.678	39.688.270.879	2.265.440.000	327.405.769	43.628.468.326
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.347.351.678	20.232.095.926	854.288.406	2.657.325	22.436.393.335
Khấu hao trong năm	-	3.433.451.986	585.021.672	50.498.083	4.068.971.741
Xóa sổ	-	(157.430.438)	-	-	(157.430.438)
Số dư cuối năm	1.347.351.678	23.508.117.474	1.439.310.078	53.155.408	26.347.934.638
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	13.505.960.411	1.411.151.594	50.489.175	14.967.601.180
Số dư cuối năm	-	16.180.153.405	826.129.922	274.250.361	17.280.533.688

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 15.389.708.973 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2021: 17.871.055.877 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	2022 Phần mềm máy vi tính VND	2021 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	22.433.666.400	10.985.466.400
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9.998.000.000
Tăng trong năm	2.837.950.000	1.450.200.000
Số dư cuối năm	25.271.616.400	22.433.666.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	10.021.807.340	6.907.001.026
Khấu hao trong năm	3.065.196.044	3.114.806.314
Số dư cuối năm	13.087.003.384	10.021.807.340
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	12.411.859.060	4.078.465.374
Số dư cuối năm	12.184.613.016	12.411.859.060

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 8.161.659.400 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2021: 1.978.609.400 VND).

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Số dư đầu năm	3.461.452.486	8.998.200.000
Tăng trong năm	5.097.789.503	4.461.252.486
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(126.117.200)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.547.406.933)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(252.348.800)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(9.998.000.000)
Số dư cuối năm	1.633.369.056	3.461.452.486

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	4.624.178.350	4.379.289.498

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2022	31/12/2021
		VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí trích trước	20%	396.002.889	604.102.167
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	20%	3.165.501.699	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	142.779.322	-
		3.704.283.910	604.102.167
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	-	(325.471.673)
		3.704.283.910	278.630.494
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần		3.704.283.910	278.630.494

18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	11.964.116.068	9.464.116.068
Tiền nộp thêm trong năm	1.809.659.347	1.879.662.547
Tiền lãi nhận được trong năm	690.340.653	620.337.453
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	14.464.116.068	11.964.116.068
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

19. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	10.039.238.233	10.000.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“Quỹ bù trừ”) bằng tiền mặt (VND) hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Công ty đã trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận Thành viên bù trừ số 04/GCN-UBCK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi nhận được trong năm	39.238.233	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.039.238.233	10.000.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Nguyên tệ	Lãi suất định kỳ %	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2022 VND	Số vay trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2022 VND
Khoản vay ngắn hạn từ						
▪ Ngân hàng trong nước	VND	2,2% - 7,8%	536.000.000.000	7.945.170.193.200	(8.381.170.193.200)	100.000.000.000
▪ Ngân hàng nước ngoài	USD	1,4% - 6,9%	1.719.000.000.000	3.932.680.000.000	(3.878.100.000.000)	1.733.020.000.000
			2,255,000,000,000	11,877,850,193,200	(12,259,270,193,200)	1,833,020,000,000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền và các khoản tương đương tiền là 91.000.000.000 VND (31/12/2021: 216.640.641.542 VND) (Thuyết minh 5) và các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 718.313.246.576 VND (31/12/2021: 600.223.000.000 VND) (Thuyết minh 7(b)).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	115.820.407.530	836.887.989.000
Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	83.522.322.140	4.702.270.000
Phải trả thực hiện quyền mua chứng khoán	-	6.473.966.000
Phải trả khác	87.546	69.306
	<hr/>	<hr/>
	199.342.817.216	848.064.294.306

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.985.851.287	17.129.325.656	(19.239.475.429)	3.875.701.514
Thuế thu nhập cá nhân	12.483.094.449	105.327.038.462	(107.577.666.089)	10.232.466.822
Thuế giá trị gia tăng	3.727.273	230.465.287	(213.746.801)	20.445.759
Thuế nhà thầu nước ngoài	28.353.780	7.343.112.372	(6.245.068.106)	1.126.398.046
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	18.501.026.789	130.029.941.777	(133.275.956.425)	15.255.012.141

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.084.079.604	35.456.565.983	(33.554.794.300)	5.985.851.287
Thuế thu nhập cá nhân	3.694.427.874	90.888.656.676	(82.099.990.101)	12.483.094.449
Thuế giá trị gia tăng	2.544.445	160.442.167	(159.259.339)	3.727.273
Thuế nhà thầu nước ngoài	28.437.842	1.975.085.953	(1.975.170.015)	28.353.780
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	7.809.489.765	128.480.750.779	(117.789.213.755)	18.501.026.789

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

23. Chi phí phải trả

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	10.714.443.941	18.698.814.620
Chi phí giao dịch chứng khoán	3.685.244.296	5.524.395.823
Chi phí lãi	3.065.504.380	2.341.848.005
Phí tư vấn	143.548.420	304.230.268
Các chi phí khác	1.290.579.954	2.405.897.931
	<hr/>	<hr/>
	18.899.320.991	29.275.186.647
	<hr/>	<hr/>

24. Các khoản phải trả khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phải trả cổ tức	9.414.758.993	6.463.489.433
Các khoản phải trả cho khách hàng	21.174.000	287.700.000
Các khoản phải trả khác	38.520.600	59.876.600
	<hr/>	<hr/>
	9.474.453.593	6.811.066.033
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

(a) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	150.009.819	1.500.098.190.000	140.000.000	1.400.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	150.009.819	1.500.098.190.000	140.000.000	1.400.000.000.000
	150.009.819	1.500.098.190.000	140.000.000	1.400.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(490)	(1.185.000)	(490)	(1.185.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	150.009.329	1.500.097.005.000	139.999.510	1.399.998.815.000

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	140.000.000	1.400.000.000.000	90.000.000	900.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	10.009.819	100.098.190.000	50.000.000	500.000.000.000
Số dư cuối năm	150.009.819	1.500.098.190.000	140.000.000	1.400.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Lợi nhuận chưa phân phối

Biến động lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số đầu năm	180.535.371.172	83.393.613.237
Lợi nhuận sau thuế trong năm	59.979.201.559	140.935.106.927
Cổ tức bằng tiền (*)	(67.199.764.800)	(29.699.838.300)
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	(100.098.190.000)	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	(7.046.755.346)
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	(7.046.755.346)
Số cuối năm	<u>73.216.617.931</u>	<u>180.535.371.172</u>

- (*) Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức với số tiền 67.199.764.800 VND, tương đương 480 VND/cổ phiếu bằng tiền mặt và 100.098.070.000 VND bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ 7.15%. Tại ngày 23 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn tất phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày 29 tháng 8 năm 2022, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã phát hành giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 79/GPĐC-UBCK điều chỉnh vốn điều lệ tăng thêm 100.098.190.000 VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính tại FVTPL

2022	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tổng số lượng bán VND	Tổng chi phí VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM					
GAS	55.800	110.645	6.173.990.000	6.023.568.487	150.421.513
PNJ	47.900	110.279	5.282.380.000	5.127.181.638	155.198.362
BVH	90.600	56.374	5.107.465.000	5.056.712.731	50.752.269
FPT	58.000	87.727	5.088.160.000	4.856.955.764	231.204.236
SAB	25.800	178.060	4.593.950.000	4.362.126.983	231.823.017
MBB	133.500	25.644	3.423.525.000	3.688.576.566	(265.051.566)
HPG	98.200	31.434	3.086.865.000	3.763.413.663	(676.548.663)
PLX	56.500	45.940	2.595.625.000	2.844.492.400	(248.867.400)
SSI	81.300	29.769	2.420.250.000	2.673.571.892	(253.321.892)
VHM	29.492	75.316	2.221.207.600	2.352.901.318	(131.693.718)
Cổ phiếu khác	845.046	41.299	34.899.278.200	36.488.154.729	(1.588.876.529)
	1.522.138	49.202	74.892.695.800	77.237.656.171	(2.344.960.371)
Trái phiếu niêm yết					
VHM121024	2.741.282	100.742	276.161.743.802	275.890.585.602	271.158.200
MSN12003	1.450.000	103.451	150.003.250.000	149.928.300.000	74.950.000
MML121021	1.000.000	100.560	100.560.000.000	100.455.000.000	105.000.000
MSN12001	500.000	101.679	50.839.500.000	50.789.500.000	50.000.000
	5.691.282	101.482	577.564.493.802	577.063.385.602	501.108.200
	7.213.420	90.450	652.457.189.602	654.301.041.773	(1.843.852.171)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2021	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tổng số lượng bán VND	Tổng chi phí VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM					
DRC	335.000	27.799	9.312.760.000	9.197.492.500	115.267.500
HPG	277.700	48.095	13.356.085.000	12.773.250.279	582.834.721
MBB	266.500	30.297	8.074.255.000	7.594.701.069	479.553.931
CTG	165.900	41.903	6.951.660.000	6.521.757.395	429.902.605
HCM	152.400	40.675	6.198.905.000	6.025.066.620	173.838.380
POW	150.000	13.348	2.002.250.000	1.921.000.000	81.250.000
NLG	119.000	36.557	4.350.300.000	4.166.400.000	183.900.000
SSI	103.300	44.123	4.557.955.000	4.171.797.142	386.157.858
VNM	97.900	96.479	9.445.330.000	9.735.907.374	(290.577.374)
TCB	82.000	40.543	3.324.500.000	3.230.950.000	93.550.000
Cổ phiếu khác	1.627.400	46.208	75.198.710.000	73.592.152.023	1.606.557.977
	3.377.100	42.277	142.772.710.000	138.930.474.402	3.842.235.598
Trái phiếu niêm yết					
MSN12001	1.000.000	103.436	103.436.000.000	103.382.000.000	54.000.000
	1.000.000	103.436	103.436.000.000	103.382.000.000	54.000.000
	4.377.100	145.713	246.208.710.000	242.312.474.402	3.896.235.598

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***27. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	2022 VND	2021 VND
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	49.989.155.905	23.153.191.363
Thu lãi từ trái phiếu doanh nghiệp	-	854.794.524
	<hr/>	<hr/>
	49.989.155.905	24.007.985.887
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

28. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	276.486.591.233	210.092.311.370
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	13.404.219.909	19.699.715.355
	<hr/>	<hr/>
	289.890.811.142	229.792.026.725
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

29. Chi phí môi giới chứng khoán

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lương cho nhân viên	49.761.741.333	55.047.623.591
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	77.192.408.667	93.120.182.507
Phí môi giới chứng khoán	37.677.570.703	39.943.908.713
Chi phí thuê	10.942.236.853	9.311.617.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.813.883.467	6.622.938.890
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.987.945.676	1.577.034.801
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	193.922.085	105.532.464
Chi phí khác	2.314.961.368	905.071.162
	<hr/>	<hr/>
	188.884.670.152	206.633.909.774
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí lãi

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	86.764.840.628	36.993.349.906
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	619.309.225	355.235.610
	<hr/> 87.384.149.853	<hr/> 37.348.585.516

31. Chi phí quản lý

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lương cho nhân viên	38.622.220.009	29.559.966.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.007.353.723	23.954.604.539
Chi phí thuê	7.039.940.071	6.024.986.495
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	8.293.524.391	7.066.464.591
Chi phí công cụ và dụng cụ	6.021.887.461	2.754.789.803
Chi phí khác	5.173.900.412	2.421.217.149
	<hr/> 96.158.826.067	<hr/> 71.782.028.606

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	17.129.325.656	35.298.932.730
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	157.633.253
	<hr/> 17.129.325.656	<hr/> 35.456.565.983
Lợi ích thuế hoãn lại (Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(3.425.653.416)	35.268.284
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<hr/> 13.703.672.240	<hr/> 35.491.834.267

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.682.873.799	176.426.941.194
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.736.574.760	35.285.388.239
Chi phí không được khấu trừ thuế	298.495.158	129.449.663
Thu nhập không bị tính thuế	(68.300.262)	(80.636.888)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	157.633.253
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận	(1.263.097.416)	-
	13.703.672.240	35.491.834.267

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 59.979.201.559 VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 140.935.106.927 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 150.009.329 cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 114.635.185 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	59.979.201.559	140.935.106.927

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại)	2021 VND (Theo báo cáo trước đây)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	140.000.000	90.000.000	90.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty năm giữ	(490)	(490)	(490)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	16.986.301	16.986.301
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức trong năm	10.009.819	7.649.374	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	150.009.329	114.635.185	106.985.811

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại)	2021 VND (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	400	1.229	1.317

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Phu Hung Far East Holding Corporation – cổ đông lớn		
Nhận tiền góp vốn	-	230.000.000.000
Cổ tức bằng tiền đã trả	30.912.000.000	13.662.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	46.046.000.000	-
New Beam International Inc – cổ đông lớn		
Nhận tiền góp vốn	-	235.600.000.000
Cổ tức bằng tiền đã trả	11.726.400.000	287.100.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	17.467.450.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	82.516.551	22.365.630
An Thinh Development Limited – cổ đông lớn		
Cổ tức bằng tiền đã trả	5.373.441.150	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	11.642.450.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái – công ty liên quan		
Cổ tức bằng tiền đã trả	3.347.867.040	2.301.658.590
Cổ tức bằng cổ phiếu	4.986.920.000	-
Phí chuyển nhượng chứng khoán	-	159.168.240
Phí lưu ký chứng khoán	23.558.333	30.274.685
Chi phí lãi	-	1.545.404
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng – công ty liên quan		
Nhận tiền vốn góp	-	10.500.000.000
Cổ tức bằng tiền đã trả	1.405.213.920	619.584.570
Cổ tức bằng cổ phiếu	1.342.430.000	-
Phí bảo hiểm	107.003.951	91.374.276
Phí quản lý sổ cổ đông	27.272.727	27.272.727
Phí lưu ký chứng khoán	5.172.045	6.221.100
Chi phí lãi	-	242.413
Freshfields Capital Corporation – bên liên quan khác		
Cổ tức bằng tiền đã trả	3.265.920.000	2.245.320.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	4.864.860.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	18.364.686	22.351.140
Phí giao dịch	180.000.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng – bên liên quan khác		
Phí dịch vụ	5.728.064.516	6.209.032.258
Phí giao dịch	3.079.980	29.385.753
<hr/>		
	Số dư tại ngày	
	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
An Thinh Development Limited – cổ đông lớn		
Cổ tức phải trả	7.815.914.400	5.373.441.150
Phải thu phí lưu ký chứng khoán	3.087.017	3.087.017
Freshfields Capital Corporation – bên liên quan khác		
Phải thu phí lưu ký chứng khoán	816.659	7.470.792
<hr/>		
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
	2022	2021
	VND	VND
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.748.486.687	1.707.689.950
Người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.081.920.767	1.208.131.000
Thành viên Ban kiểm soát		
Thù lao	720.000.000	-
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Albert Kwang-Chin Ting – Chủ tịch	240.000.000	-
Ông Nguyễn Đoàn Hùng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên	240.000.000	-
Ông Chen Chia Ken – Thành viên	240.000.000	-
Bà Liu, Hsiu-Mei – Thành viên	240.000.000	-
<hr/>		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

35. Báo cáo bộ phận

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

2022	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	188.890.505.249	1.933.611.365	398.346.924.131	4.677.731.075	593.848.771.820
2. Chi phí trực tiếp	02	173.739.456.698	8.154.635.975	310.684.808.617	12.444.050.688	505.022.951.978
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	170.776.417	411.702	8.316.670.059	-	8.487.858.178
4. Dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	-	-	-	-
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	7.462.021.413	-	7.462.021.413
6. Thu nhập khác – thuần	06	-	-	-	806.933.548	806.933.548
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (07 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05)	07	14.980.272.134	(6.221.436.312)	71.883.424.042	(6.959.386.065)	73.682.873.799
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Tài sản bộ phận		42.832.382.223	7.214.990.990	3.624.740.543.554	1.435.623.428	3.676.223.540.195
Nợ phải trả bộ phận		217.676.777.763	436.878.653	1.859.850.287.261	815.977.309	2.078.779.920.986

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

35. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

2021	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	226.079.516.322	10.840.190.416	270.850.610.571	1.597.320.372	509.367.637.681
2. Chi phí trực tiếp	02	193.196.567.737	6.118.738.228	127.286.853.313	2.254.742.487	328.856.901.765
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	99.443.436	11.781.000	7.072.553.619	-	7.183.778.055
4. Dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	-	-	-	-
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	(2.870.836.145)	-	(2.870.836.145)
6. Thu nhập khác – thuần	06	-	-	-	229.147.188	229.147.188
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (07 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05)	07	32.783.505.149	4.709.671.188	139.362.039.784	(428.274.927)	176.426.941.194

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản bộ phận

Nợ phải trả bộ phận

190.379.071.622	19.500.529.534	4.556.154.738.723	876.396.538	4.766.910.736.417
869.112.222.115	1.528.620.921	2.290.422.862.605	1.182.848.326	3.162.246.553.967

(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)
Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

36. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

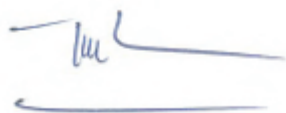
	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.341.504.234	19.286.494.340
Từ hai đến năm năm	39.914.574.630	41.567.256.345
	59.256.078.864	60.853.750.685

37. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

 Tầng 21, tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 Hoàng Văn Thái, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

 www.phs.vn  (+84 28) 5413 5479  Fanpage: PhuHungSecuritiesCorporation